

# **CHƯƠNG 1**

## **TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT KẾ TOÁN**

### **BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS**

#### **1.1. Một số khái niệm liên quan đến kế toán bán hàng**

##### **1.1.1. Khái niệm liên quan đến kế toán bán hàng**

Bản chất của quá trình bán hàng là quá trình chuyển đổi quyền sở hữu giữa người bán đến người có nhu cầu mua hàng.

Kế toán bán hàng là bộ phận thực hiện các nghiệp vụ về doanh thu và các tài khoản đầu ra của doanh nghiệp.

Được trích từ chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác thì “Bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào”.

Doanh thu được xem là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ việc phát sinh trong kỳ kế toán bao gồm hoạt động sản xuất, KD thông thường của doanh nghiệp, bên cạnh đó còn tăng thêm vốn chủ sở hữu cho doanh nghiệp.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo rằng doanh nghiệp có được giá trị kinh tế từ việc giao dịch thành công. “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” là toàn bộ số tiền đạt được hoặc số tiền thu được từ việc bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm các khoản phụ thu và phí thêm ngoài giá bán (nếu có).

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giá bán chưa bao gồm thuế GTGT.

Sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được tính trên tổng giá trị thanh toán.

Những doanh nghiệp nhận hàng hóa, vật tư về tự gia công thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ phản ánh số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Hàng hóa được ký gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào DTBH và CCDV phân hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận DTBH theo giá trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

Những sản phẩm, hàng hóa được sản xuất đúng theo quy trình, nhưng vì lý do kém về chất lượng, hay khâu quy cách kỹ thuật lỗi,... Người mua được quyền từ chối thanh toán và gửi trả lại hàng cho người bán hoặc yêu cầu người bán giảm giá sản phẩm; hoặc người mua hàng với số lượng lớn sẽ hưởng được chiết khấu thương mại trên giá bán thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản 5212 “Hàng bán bị trả lại” hoặc tài khoản 5213 “Giảm giá hàng bán”, tài khoản 5211 “Chiết khấu thương mại”.

Trường hợp khác, trong kỳ doanh nghiệp đã tiến hành phát hành hóa đơn bán hàng và đã thu tiền từ khách hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua thì số hàng hóa này không được coi là tiêu thụ và không được ghi nhận vào tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” mà chỉ được hạch toán vào bên có tài khoản 131 “Phải thu của khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua, kế toán hạch toán lên phần mềm tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” về số lượng hàng hóa đã được bàn giao và thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

### **1.1.2. Đặc điểm, phân loại của quá trình bán hàng**

#### **❖ Đặc điểm:**

Trong kinh doanh, một quy trình bán hàng chuẩn sẽ mang lại nguồn doanh thu cao, thì ở khâu bán hàng được xem là khâu cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Quá trình bán hàng là sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp đồng ý bán và khách hàng đồng ý mua sau đó hai bên cùng đóng mộc và kí kết vào hợp đồng kinh tế do bên bán lập ra gồm hai bản, mỗi bên sẽ giữ một bản.

Bên bán bàn giao hàng hóa cho khách hàng đầy đủ theo như hợp đồng kinh tế đã được ký thì sẽ nhận được đúng số tiền mà bên mua chấp nhận thanh toán theo như hợp đồng. Khoản tiền bên bán nhận được từ bên mua là khoản DTBH, nó sẽ cần trừ vào các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong quá trình kinh doanh.

Căn cứ vào số tiền hay khoản nợ mà khách hàng chấp nhận trả sẽ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

#### ❖ **Phân loại:**

**Phương pháp bán buôn:** là hình thức mà doanh nghiệp sử dụng để bán hàng với số lượng lớn, thường được bán cho các nhà phân phối hay đại lý lớn trên thị trường. Hình thức này thuận lợi giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh hơn, lượng hàng hóa tồn trong kho cũng được giải quyết. Mặt khác, với hình thức này doanh nghiệp cũng có thể mắc phải nguy cơ khủng hoảng do lượng hàng hóa bị tiêu thụ lớn và bị gián tiếp đến người tiêu dùng cuối cùng bởi người mua trung gian hoặc bị chiếm dụng vốn do bên mua thiếu thiện chí, chậm thanh toán.

Theo phương pháp này sẽ có hai hình thức: bán buôn hàng hóa qua kho và bán hàng hóa vận chuyên thẳng.

**Phương thức bán lẻ:** là hình thức bán hàng trực tiếp từ doanh nghiệp đến tay người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mua để tiêu dùng nội bộ không mang tính chất kinh doanh. Bán lẻ hàng hóa là giai đoạn hàng bán từ nơi sản xuất đến tay người tiêu dùng. Bán lẻ thì khối lượng hàng bán ra nhỏ, giá bán sẽ cao hơn bán sỉ vì có thể phải bỏ nhiều chi phí và thường bán lẻ sẽ thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Bán lẻ có hình thức như sau: bán hàng thu tiền tập chung và bán lẻ thu tiền mặt trực tiếp.

### **1.1.3. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán bán hàng**

#### ❖ **Vai trò:**

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra giá trị các loại sản phẩm không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn thỏa mãn nhu cầu của thị trường. Để thực hiện mục tiêu đó,

doanh nghiệp phải thực hiện được giá trị sản phẩm, hàng hóa thông qua hoạt động bán hàng.

Kế toán bán hàng có vai trò hết sức quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn cả toàn nền kinh tế quốc dân. Bản thân doanh nghiệp phải có hoạt động kinh doanh bán hàng hóa mới bù đắp những chi phí bỏ ra, có điều kiện mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao đời sống của người lao động.

❖ **Nhiệm vụ:**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về sản phẩm, hàng hóa thì kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

Ghi nhận, phản ánh kịp thời, chính xác và đầy đủ tình hình hiện có và biến động của từng loại hàng hóa trong kỳ.

Tính toán và cập nhật chính xác tổng giá trị hàng bán ra qua từng thời điểm kí kết hợp đồng kinh tế giữa bên bán và bên mua.

Phản ánh và ghi nhận đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

Phản ánh tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

Chuyển đầy đủ các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng.

#### **1.1.4. Nội dung kế toán bán hàng**

##### **1.1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong 1 kỳ hạch toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện những công việc đã thỏa thuận trong 1 hoặc nhiều kỳ kế toán bao gồm cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản theo phương thức hoạt động, doanh thu bất động sản đầu tư.

Quy định về tài khoản 511: Chi phản ánh tài khoản doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp được xác định là bán ra trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thanh toán hay chưa thanh toán.

❖ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 6 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 5111 : Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 : Doanh thu khác

❖ **Kết cấu và nội dung tài khoản**

#### Tài khoản 511

<p>Các khoản thuế gián thu phải nộp; Doanh thu hàng hóa bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ; Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ; Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ; Kết chuyển doanh thu thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”.</p>	<p>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và CCDV của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
---	---



❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng kinh tế/ Đơn đặt hàng.
- Phiếu báo giá.
- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu giao hàng/ Biên bản hoàn thành/ Biên bản bàn giao hàng hóa.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, kí gửi.
- Tờ khai hải quan (nếu có).

❖ **Sổ sách và hạch toán tổng hợp**

Căn cứ vào các chứng từ, kế toán ghi sổ tổng hợp:

- Phương thức bán buôn sản phẩm, hàng hóa qua kho
  - Trường hợp nhận trực tiếp tại kho, căn cứ vào hóa đơn GTGT, ghi:
 

Nợ TK 111, 112, 131:	Tổng giá trị thanh toán
Có TK 511:	Giá bán chưa thuế GTGT
Có TK 333(1):	Thuế GTGT đầu ra
- Phương thức bán hàng thu tiền trực tiếp và bán hàng thu tiền tập chung:
  - Kế toán ghi nhận doanh thu bán hàng, ghi:
 

Nợ TK 111, 112, 131:	Tổng giá trị thanh toán
Có TK 511:	Giá bán chưa thuế GTGT
Có TK 333(1):	Thuế GTGT đầu ra
- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:
  - Kế toán phản ánh Doanh thu bán hàng theo số tiền trả ngay lần đầu và số tiền phải thu về bán hàng trả chậm, trả góp, ghi:
 

Nợ TK 111, 112:	Tổng giá TT trả ngay lần đầu
Nợ TK 131:	Số tiền còn lại phải thu trả chậm, trả góp
Có TK 511:	Số tiền trả ngay lần đầu chưa thuế GTGT
Có TK 333(1):	Thuế GTGT phải nộp



– Tài khoản 5213 : Giảm giá hàng bán

❖ **Kết cấu và nội dung tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 521**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.	Trong kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
--	---



❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT).
- Biên bản giao hàng.
- Phiếu chi.
- Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán.

Trường hợp mặt hàng đã bán ra nhưng bị trả lại cần phải có văn bản của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, đính kèm hóa đơn hoặc bản sao hóa đơn và chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng bị trả lại.

Trường hợp hàng đã tiêu thụ từ các kỳ trước đó, đến kỳ hiện tại hay kì sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bị trả lại thì phải ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

Nếu hàng hóa phát sinh trước thời điểm phát hành BCTT, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên BCTT của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

Nếu hàng hóa phát sinh sau thời điểm phát hành BCTT kế toán phải ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## ❖ Phương pháp phản ánh

đã nộp

### Sơ đồ 1.2- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

*(Nguồn: Kế toán tài chính 2- NXB Kinh Tế HCM năm 2020)*

#### 1.1.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán

##### ❖ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

**Phương pháp kê khai thường xuyên:** là phương pháp kế toán theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục và có hệ thống tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hóa lên các tài khoản kế toán, sổ sách kế toán trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất.

**Phương pháp kiểm kê định kỳ:** là phương pháp kế toán hạch toán mà mỗi nghiệp vụ nhập, xuất hàng hóa không được ghi ngay vào tài khoản, sổ sách kế toán mà đến cuối kỳ hạch toán mới kiểm kê số hàng hóa tồn để tính ra số đã xuất trong kỳ và chỉ ghi đúng một lần.

##### ❖ Phương pháp xác định giá vốn hàng bán gồm:

- Phương pháp tính theo đích danh
- Phương pháp nhập trước, xuất trước
- Phương pháp bình quân gia quyền

##### ❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 1561 : Giá mua hàng hóa
- Tài khoản 1562 : Chi phí thu mua hàng hóa

- Tài khoản 157 : Hàng gửi đi bán
- Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán

❖ **Kết cấu và nội dung tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 156- Hàng hóa**

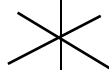
<b>Số dư đầu kỳ:</b> trị giá hàng tồn đầu kỳ	
Trị giá mua vào của hàng hóa theo hóa đơn mua hàng; Chi phí thu mua hàng hóa; Trị giá của hàng hóa thuê ngoài gia công; Trị giá hàng hóa đã bị người mua trả lại; Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê; Kết chuyển giá trị HTK cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).	Trị giá của hàng hóa xuất kho trong kỳ; Cho phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ; Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng; Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng; Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán; Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê; Kết chuyển giá trị HTK đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).
<b>Số dư cuối kỳ:</b> Trị giá hàng tồn cuối kỳ	

**Tài khoản 157- Hàng gửi đi bán**

<b>Số dư đầu kỳ:</b> Trị giá hàng gửi bán tổng đầu kỳ	
Trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng, hoặc gửi bán đại lý, ký gửi; Trị giá dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được xác định là đã bán; Cuối kỳ kết chuyển trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi bán chưa được xác định là đã bán cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ).	Trị giá hàng hóa, thành phẩm gửi đi bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã bán; Trị giá hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã gửi đi bị khách hàng trả lại Đầu kỳ kết chuyển trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi bán, dịch vụ đã cung cấp chưa được xác định là đã bán đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán bán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ).
<b>Số dư cuối kỳ:</b> Trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi, dịch vụ đã cung cấp chưa được xác định là đã bán trong kỳ.	

## Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán

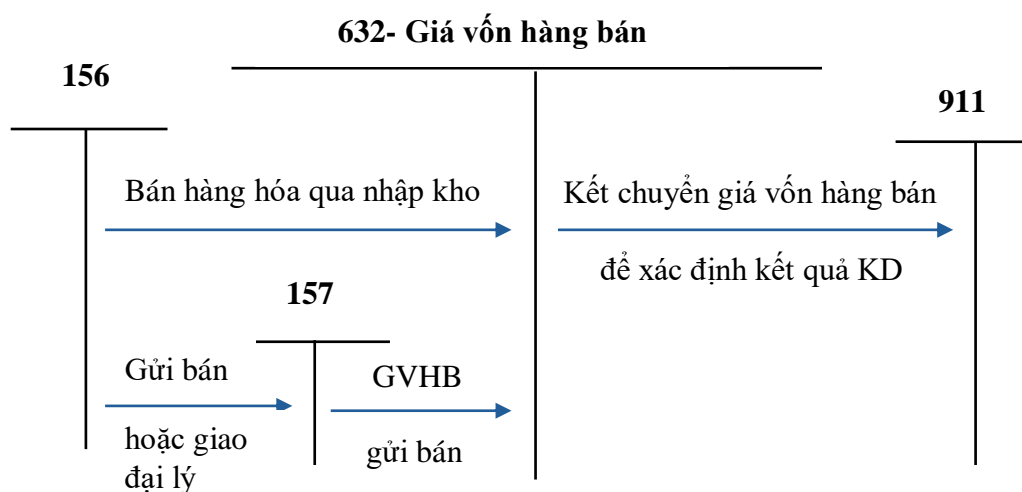
<p>Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;</p> <p>Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;</p> <p>Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế thành;</p> <p>Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</p>	<p>Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;</p> <p>Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</p> <p>Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho;</p>
--	--



### ❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu nhập kho.
- Phiếu xuất kho.

### ❖ Phương pháp phản ánh



### Sơ đồ 1.4- Kế toán giá vốn hàng hóa

(Nguồn: Kế toán tài chính 2- NXB Kinh Tế HCM năm 2020)

## **1.2. Luật, nghị định, chuẩn mực, thông tư**

### **1.2.1. Các văn bản Luật về kế toán**

Luật kế toán do Quốc hội ban hành “*Luật số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015*”: Quy định về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán.

“*Luật kế toán số 13/2008/QH12*”: Luật về Thuế giá trị gia tăng. Luật này quy định về phương pháp tính thuế, khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng. “Nội dung khoản này được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều số 1 Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi năm 2013”. Khoản này được hướng dẫn bởi “*Điều số 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014*”.

### **1.2.2. Nghị định**

“*Nghị định số 119/2018/NĐ-CP*”: quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng và cung cấp dịch vụ do “*Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 9 năm 2018*”. Nghị định này quy định về sử dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng và cung cấp dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế các cấp và cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

“*Nghị định số 49/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 209/2013/NĐ-CP*” hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung theo “*Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP*”.

“*Nghị định số 123/2020/NĐ-CP Nghị định quy định về hóa đơn, chứng từ. Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015*”; “*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019*”; “*Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013*”; “*Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của các luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014*”; “*Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016*”; “*Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015*”; “*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005*”; “*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2016*”; “*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hóa đơn, chứng từ*”.

Điều 6: Bảo quản, lưu trữ hóa đơn, chứng từ:

- Tính an toàn, bảo mật, toàn vẹn, đầy đủ, không bị thay đổi, sai lệch trong suốt thời gian lưu trữ;
- Lưu trữ đúng và đủ thời hạn theo quy định của luật kế toán.

Hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử được bảo quản, lưu trữ bằng phương tiện điện tử. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền lựa chọn và áp dụng hình thức bảo quản, lưu trữ hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử phù hợp với đặc thù hoạt động và khả năng ứng dụng công nghệ. HĐĐT, chứng từ điện tử phải sẵn sàng in được ra giấy hoặc tra cứu được khi có yêu cầu.

*Điều số 7: Chuyển đổi hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử thành hóa đơn, chứng từ giấy.*

HĐĐT, chứng từ điện tử hợp pháp được chuyển đổi thành hóa đơn, chứng từ giấy khi có yêu cầu NVKT, tài chính phát sinh hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, điều tra và theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và điều tra.

Việc lập HĐĐT thay thế, phải bảo đảm sự khớp đúng giữa nội dung của hóa đơn điện tử được thay thế, chứng từ điện tử và hóa đơn, chứng từ giấy sau khi chuyển đổi.

Hóa đơn, chứng từ điện tử được in ra dưới dạng giấy lưu trữ ghi số trên phần mềm; theo quy định luật về kế toán thì luật quy định về giao dịch điện tử, không có hiệu lực để giao dịch, thanh toán, trừ trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định này.

“Nghị định số 174/2016/NĐ-CP: Nghị định quy định chi tiết một số điều của luật kế toán Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số Điều của Luật kế toán”.

*Điều số 5: Chứng từ kế toán.* Chứng từ kế toán phải được lập đầy đủ, kịp thời, chính xác, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu giữa nội dung quy định tại “Điều số 16 Luật kế toán. Đơn vị kế toán trong hoạt động kinh doanh được chủ

động xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán nhưng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán quy định tại khoản 1 Điều số 16 Luật kế toán, phù hợp với hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị ngoại trừ trường hợp pháp Luật có những quy định nào khác”.

*Điều số 8: Tài liệu kế toán phải lưu trữ bao gồm:*

- Chứng từ kế toán.
- Sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp.
- BCTT, báo cáo quyết toán ngân sách, báo cáo tổng hợp quyết toán ngân sách.

Tài liệu khác có liên quan đến kế toán bao gồm các loại hợp đồng; báo cáo kế toán quản trị; hồ sơ, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, dự án quan trọng quốc gia; báo cáo kết quả kiểm kê và đánh giá tài sản; các tài liệu liên quan đến kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán; biên bản tiêu hủy tài liệu kế toán; quyết định bổ sung vốn từ lợi nhuận, phân phối các quỹ từ lợi nhuận; các tài liệu liên quan đến giải thể, phá sản, chia, tách, hợp nhất sáp nhập, chấm dứt hoạt động, chuyển đổi hình thức sở hữu, chuyển đổi loại hình DN hoặc chuyển đổi đơn vị; tài liệu liên quan đến tiếp nhận và sử dụng kinh phí, vốn, quỹ; tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và nghĩa vụ khác đối với Nhà nước và các tài liệu khác.

### **1.2.3. Chuẩn mực kế toán**

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 (VAS 01) – Chuẩn mực chung “*Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2003*”.

Dựa trên nguyên tắc phù hợp “ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Chi phí phải tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu”.

Xây dựng và hoàn thiện các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán cụ thể theo khuôn mẫu thống nhất.

Giúp doanh nghiệp ghi sổ, lập BCTT dựa trên các chuẩn mực kế toán ban hành do Chính phủ theo một thể thống nhất và xử lý các vấn đề chưa được quy định cụ thể nhằm đảm bảo các thông tin trên BCTT phản ánh trung thực và hợp lý.

Hỗ trợ kiểm toán viên và người kiểm tra kế toán đưa ra ý kiến về sự phù hợp của BCTT khớp với mọi chứng từ liên quan.

Giúp người đọc Báo cáo tài chính hiểu được và đánh giá số liệu tài chính được phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 (VAS 02) – Hàng tồn kho “*Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính, có hiệu lực từ ngày 01/01/2003*”.

Chuẩn mực quy định và hướng dẫn về nguyên tắc và PP kế toán hàng tồn kho gồm: Xác định giá trị và kế toán hàng tồn kho vào chi phí; Ghi giảm giá trị hàng tồn kho cho phù hợp với giá trị thuần.

Khi tính giá trị hàng tồn kho theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp tính giá đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền (liên hoàn, cuối kỳ)
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) – Doanh thu và thu nhập khác “*Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2002*”.

Doanh thu bao gồm tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bởi bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, vì không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là khoản doanh thu của doanh nghiệp.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp được chuyển giao phần lớn rủi ro, phần lợi ích được gắn liền với chủ quyền sở hữu sản phẩm và hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn được nắm giữ quyền hạn quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 – Trình bày báo cáo tài chính Ban hành và công bố theo “*Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2004*”.

BCTT phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ về tình hình tài chính, KQKD của một doanh nghiệp. Mục đích của BCTT là cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các dòng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng mong muốn về lợi ích cho cổ đông trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

#### **1.2.4. Thông tư**

- Thông tư số 133/2016/TT-BTC: “Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015. Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính”.

*Điều số 57: Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.*  
“Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp, như thuế GTGT (kể cả trường hợp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp), thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường”.

Trường hợp không bóc tách ngay mà được số thuế gián thu phải nộp tại thời điểm ghi nhận doanh thu, kế toán được ghi nhận doanh thu bao gồm cả số thuế phải nộp sau đó định kỳ ghi giảm doanh thu đối với số thuế gián thu phải nộp. Khi lập BCKQKD, chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu” đều không bao gồm số thuế gián thu phải nộp trong kỳ do về bản chất các khoản thuế gián thu không được coi là một bộ phận của doanh thu.

*Điều số 62: Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.* Đối với phần giá trị HTK hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có). Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán. Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế

toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

- Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán, Điều số 79: “Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ trưởng Bộ Tài chính”.
- “Thông tư số 65/2020/TT-BTC ban hành ngày 09 tháng 07 năm 2020 hướng dẫn kê khai lệ phí môn bài”.
- “Thông tư số 43/2021/TT-BTC sửa đổi Khoản 11 Điều số 10 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP Luật Thuế giá trị gia tăng (đã được sửa đổi tại Thông tư số 26/2015/TT-BTC) do Bộ Tài chính ban hành”.
- “Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính: hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP quy định và hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ có hiệu lực từ ngày 31 tháng 03 năm 2014”.
- “Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn Thuế giá trị gia tăng và quản lý Thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, sửa đổi thông tư số 39/2014/TT-BTC về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ do BTC ban hành có hiệu lực từ 27 tháng 02 năm 2015”.
- “Thông tư số 16/2010/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2002/TT-BTC hướng dẫn về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hóa đơn do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2010”.
- “Thông tư số 54/2000/TT-BTC hướng dẫn kế toán đối với hàng hóa của các cơ sở kinh doanh bán hàng tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ở các tỉnh, thành phố khác và xuất bán qua các đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng”.
- “Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành”.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG VIỆC KẾ TOÁN BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

#### 2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Kvic Partners

##### 2.1.1. Thông tin về Công ty TNHH Kvic Partners

Logo công ty	
Tên giao dịch (tiếng Anh)	KVIC PARTNERS COMPANY LIMITED
Tên giao dịch tiếng Việt	Công ty TNHH Kvic Partners
Tên bằng ngôn ngữ khác	KVIC PARTNERS 유한책임회사 (tiếng Hàn)
Mã số thuế	0314945997
Người đại diện pháp luật	Nguyễn Thị Tú Anh (Giám đốc)
Ngày bắt đầu thành lập	26/03/2018
Vốn điều lệ	5.000.000.000 VND
Số tài khoản ngân hàng	100200172528 – Ngân hàng Wooribank Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ	107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty TNHH Kvic Partners chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp và phân phối sỉ và lẻ các thương hiệu mỹ phẩm đình đám Hàn Quốc, đồng thời còn cung cấp các dịch vụ Marketing đa kênh.



<p><b>DR.PEPTI</b>  <b>CENTELLA MOIST</b>  <b>SOOTHING GEL CREAM</b></p>	<p><b>DR.PEPTI</b>  <b>CENTELLA TONER</b></p>
	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Làm phục hồi, làm dịu da chất gel mỏng nhẹ thấm sâu vào da, làm dịu làn da bị bong tróc, tổn thương do ánh nắng, kích ứng</li> <li>• Chiết xuất Rau Má: Chứa đến 72% chiết xuất Rau Má - giúp kháng viêm, cấp nước và phục hồi da</li> <li>• 5.000ppm Axit Hyaluronic: siêu cấp ẩm cho da</li> <li>• Palmitoyl Tripeptide-5 là 1 loại PEPTIDE kích thích sản xuất collagen</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cân bằng độ ẩm, độ pH, cấp ẩm, giữ nước cho da</li> <li>• Dưỡng da tầng sâu, ngăn ngừa nếp nhăn, trẻ hoá làn da giúp da luôn căng mịn và tươi trẻ</li> <li>• Giúp cải thiện tình trạng lỗ chân lông to</li> <li>• Giúp sửa chữa những hư hại trên da, thúc đẩy quá trình tái tạo lớp bảo vệ cho da, đặc biệt cần thiết với da khô, da nhạy cảm cần bảo vệ và phục hồi</li> </ul>

**Hình 2.1- Một số sản phẩm của công ty**

❖ **Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty TNHH Kvic Partners được thành lập vào ngày 26 tháng 03 năm 2018. Công ty chuyên về các thương hiệu mỹ phẩm Hàn Quốc (Marketing và nhận diện

thương hiệu) nhằm đáp ứng nhu cầu làm đẹp của khách hàng, trở thành nhà phân phối đáng tin cậy mang đến những sản phẩm làm đẹp uy tín, chất lượng.

Hoạt động hơn 6 năm trong lĩnh vực kinh tế bán buôn mỹ phẩm và đồ dùng khác cho gia đình. Với vốn điều lệ 5.000.000.000 đ, Giám đốc (Bà) Nguyễn Thị Tú Anh đang hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề trong lĩnh vực ngành kinh tế Việt Nam.

Công ty TNHH Kvic Partner chú trọng việc nắm bắt thời cơ, phát triển đổi mới nhận thức, chinh đốn tổ chức, đẩy lùi các khó khăn, tận dụng triệt để các nguồn vốn đầu tư, đầu tư trang thiết bị hiện đại, nguồn nhân lực cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quá trình sản xuất và kinh doanh góp phần làm cho công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ và toàn diện về mọi mặt.

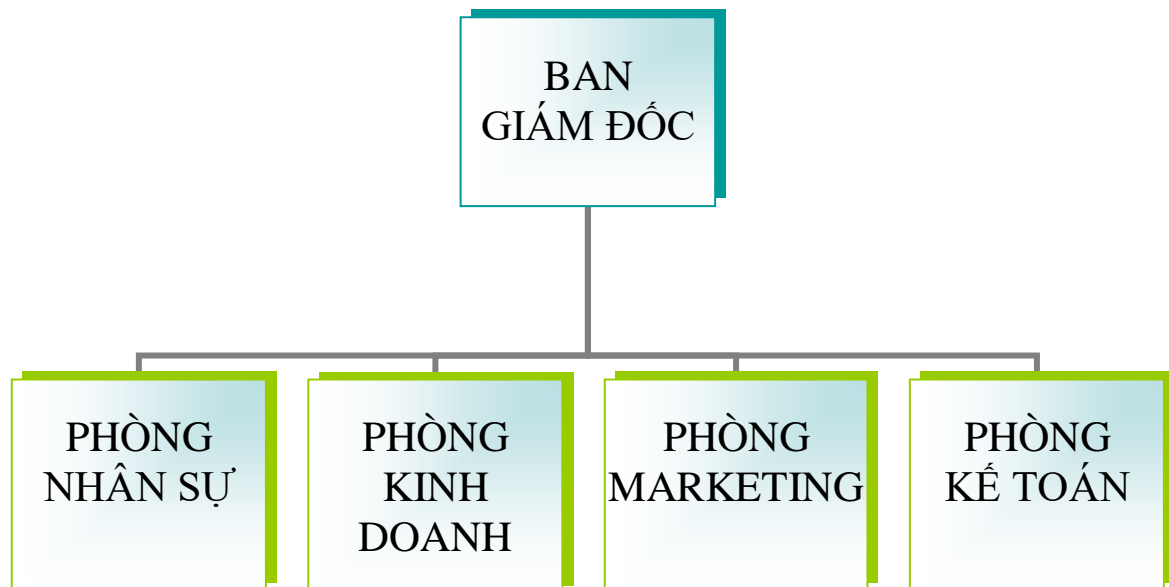
Về mặt sản phẩm: Phát triển đa dạng hóa sản phẩm, ưu tiên các mặt hàng có sẵn chỗ đứng trên thị trường. Bên cạnh đó còn nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới, độc quyền mà Công ty nhận thấy được tiềm năng mang lại.

Về mặt thị trường: Tập chung vào hoạt động tuyên truyền và quảng bá các sản phẩm của công ty. Duy trì chất lượng sản phẩm và phát triển thương hiệu của công ty đối với khách hàng. Tăng cường công tác đối ngoại, tạo mối liên doanh, liên kết với các đối tác để tiếp cận thị trường. Không ngừng thúc đẩy mạnh hợp tác với khách hàng tiềm năng và có tiếng trên thị trường mỹ phẩm như Hasaki, Guardian, Watsons, Bepos,....

Về mặt tài chính: Tổ chức quản lý chặt chẽ các khoản chi, tận dụng nguồn vốn một cách linh hoạt đúng đắn. Bảo đảm nguồn tài chính không ngừng phát triển một cách vững vàng, liên tục.

## **2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Kvic Partners**

### **2.1.2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty TNHH Kvic Partners**



**Sơ đồ 2.1- Sơ đồ bộ máy tổ chức phòng ban công ty**

*(Nguồn: Thu thập từ quá trình thực tập tại Công ty)*

### **2.1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban**

#### **❖ Ban Giám đốc**

- Chị Nguyễn Thị Tú Anh là đại diện luật pháp của công ty, chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật.
- Giữ vai trò quan trọng trong việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty, có quyền quyết định các hoạt động của công ty theo đúng kế hoạch và quy định của công ty. Điều hành, giám sát cũng như phân bổ hoạt động cho các phòng ban, đảm bảo các hoạt động của công ty phát triển theo đúng tiến độ. Đưa ra định hướng, kế hoạch liên quan đến sự phát triển và tồn tại của công ty trong tương lai.

#### **❖ Phòng Nhân sự**

- Nơi quản lý nguồn nhân lực, đưa ra các chiến lược nhân sự thích hợp.
- Phụ trách tìm kiếm, tuyển dụng nhân viên mới cho công ty, phân công lao động phù hợp với tổ chức quản lý của công ty và nhu cầu nhân sự của các phòng ban. Đảm bảo công tác thực hiện các quyền lợi của nhân viên theo quy định của công ty.

#### **❖ Phòng Kinh doanh**

- Tham mưu, đưa ra các kiến nghị cho ban giám đốc của công ty liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Dự báo thường xuyên về cung cầu, giá cả hàng hóa thị trường nhằm phục vụ cho mục tiêu kinh doanh của công ty.

- Nghiên cứu, đề xuất các phương hướng phát triển sản phẩm, dịch vụ của công ty sao cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng, nhằm mở rộng thị trường thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ.

#### ❖ Phòng Marketing

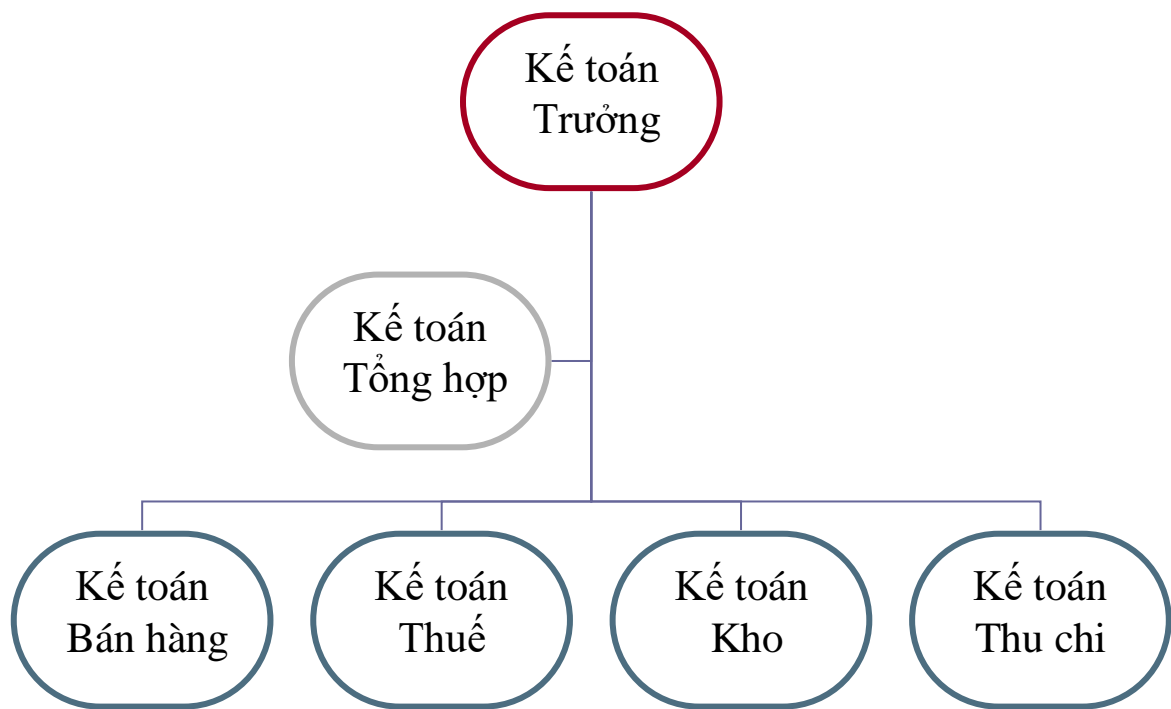
- Thu thập thông tin thị trường để xác định nhu cầu thị trường, xác định phạm vi thị trường cho những sản phẩm hiện tại.
- Dự báo nhu cầu của sản phẩm hàng hóa mới, hướng tiêu thụ sản phẩm.
- Tổ chức các hoạt động marketing.
- Xây dựng và phát triển thương hiệu giúp công ty đạt được thành công, tạo được vị thế cạnh tranh trên thị trường.

#### ❖ Phòng Kế toán

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy quản lý Tài chính - Kế toán cho công ty.
- Thực hiện lưu trữ và bảo mật các số liệu, hợp đồng kinh tế, báo cáo các loại, sổ sách kế toán có liên quan.
- Đảm nhiệm các nghiệp vụ liên quan đến thu chi, đầu vào và đầu ra trong công ty. Phụ trách công tác kế toán, hạch toán và quản lý nguồn tiền của công ty.
- Theo dõi, phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán.
- Tính toán, cân đối tài chính cho công ty nhằm an toàn về mặt tài chính trong hoạt động kinh doanh.
- Làm việc với cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội,... đối với các vấn đề liên quan đến công việc Kế toán – Tài chính của công ty.

## 2.2. Tổ chức hệ thống kế toán của Công ty TNHH Kvic Partners

### 2.2.1. Sơ đồ tổ chức quản lý phòng kế toán



**Sơ đồ 2.2- Sơ đồ tổ chức phòng kế toán**

*(Nguồn: Thu thập từ quá trình thực tập tại Công ty)*

### **2.2.2. Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại Phòng Kế toán**

#### **2.2.2.1. Kế toán Trưởng – Chị Nguyễn Thị Thùy Sương**

Chị Thùy Sương chức vụ Kế toán Trưởng là phân hành quan trọng không thể thiếu phụ trách điều hành và định hướng công tác chiến lược mảng tài chính cho doanh nghiệp.

Thường xuyên kiểm tra và giám sát toàn bộ công việc mà phòng ban vận hành để kịp thời giải quyết các vấn đề vướng mắc, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ của phòng và các thành viên đạt hiệu quả cao nhất.

Phụ trách toàn bộ công việc của phòng kế toán bao gồm kiểm tra các báo cáo chi tiết và lập báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí khác, các khoản chi hộ, bảng đối chiếu các khoản nhận vốn. Lập báo cáo quý sơ kết, lập kế hoạch tháng,... Tổ chức công tác phân tích việc thực hiện chi phí, đề ra các biện pháp tiết kiệm hợp lý trên cơ sở kết quả phân tích và đánh giá.

Là người trực tiếp giám sát và theo dõi các nguồn vốn được tài trợ; quản trị khoản tiền mặt của công ty, tạo mối quan hệ với các ngân hàng đối tác, các tổ chức tín dụng và các định chế tài chính khác.

Báo cáo thường xuyên tình hình hoạt động của phòng Kế toán cho Ban Giám đốc công ty tiếp nhận, phổ biến và triển khai thực hiện kịp thời các dự án mới.

#### **2.2.2.2. Kế toán Tổng hợp – Chị Trương Thị Quỳnh Mẫn**

- Tiến hành kiểm tra và rà soát các loại hóa đơn, chứng từ ghi nhận trên sổ sách kế toán để lập tờ khai thuế GTGT theo hàng quý, tạm tính Thuế TNCN và Thuế TNDN.
- Lập các báo cáo KQKD hàng quý, các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.
- Tạo tạo bảng tính lương, bảng tính lương làm thêm giờ, chế độ bảo hiểm, các khoản tiền thưởng, phụ cấp khác để trả cho người lao động.
- Hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền đi, tiền đến trong ngân hàng căn cứ vào sổ phụ ngân hàng.
- Tính lại trị giá HTK, giá vốn hàng hóa bán, khấu hao TSCĐ,...
- Giai đoạn đầu năm: Thực hiện kê khai, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế môn bài đầu năm.
- Nộp báo cáo tài chính, tờ khai Thuế TNDN, Thuế TNCN của năm trước liền kề và thời hạn nộp là trong 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.
- Cân đối kiểm tra các chỉ tiêu trên bảng cân đối, tránh để dồn việc đến cuối năm.

#### **2.2.2.3. Kế toán Bán hàng – Chị Nguyễn Mỹ Duyên**

- ❖ Cập nhật giá bán, số lượng hàng hóa:
  - Cập nhật giá bán thường xuyên và kiểm kê hàng trong kho hàng tồn hay đã xuất hết hàng hóa trên phần mềm.
  - Thông báo hàng hóa đến các bộ phận liên quan nếu giá bán được điều chỉnh hoặc có sự thay đổi.
- ❖ Quản lý hóa đơn, chứng từ liên quan đến nghiệp vụ bán hàng:
  - Quản lý, kiểm tra hóa đơn đầu vào và đầu ra của doanh nghiệp trong kỳ bán hàng thông qua phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử và phần mềm thuế điện tử để hỗ trợ cho việc hạch toán.
  - Xuất hóa đơn bán hàng cho khách mỗi khi giao hàng và kèm theo bảng kê bán hàng khai chi tiết hàng hóa, cập nhật và theo dõi doanh số bán hàng ngày.
  - Nhập số liệu mua bán hàng hóa vào phần mềm kế toán, bao gồm bảng kê khai chi tiết các hóa đơn bán hàng trong ngày, tính tổng giá trị hàng đã bán cộng với thuế VAT (nếu có).

- In ra và lưu các hóa đơn chứng từ, lưu trữ, bảo quản cẩn thận và theo một logic để dễ dàng tìm kiếm khi cần thiết.
- ❖ Kiểm kê và cập nhật số liệu hàng hóa trong kho:
  - Kiểm kê và đối chiếu lại số lượng hàng hóa tồn trong kho trên thực tế so với số lượng tồn kho trên phần mềm đã được kê khai sau đó cập nhật số lượng thực tế lên phần mềm.
  - Lập báo cáo các số liệu bán – mua hàng trong ngày vào mỗi cuối ngày.
- ❖ Lập các báo cáo số liệu bán hàng:
  - Lập các báo cáo danh mục hàng bán ra, báo cáo công nợ phải thu theo kỳ bán hàng hoặc theo yêu cầu của cấp trên.
  - Lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn tài chính hàng tháng, quý, năm.

#### **2.2.2.4. Kế toán Thuế - Chị Trương Thị Hồng Thái**

- Ghi nhận và kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hóa đơn, chứng từ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Lập các báo cáo thuế bao gồm Thuế Giá Trị Gia Tăng (GTGT), Thuế Thu Nhập Cá Nhân (TNCN), và Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp (TNDN).
- Kê khai và nộp các loại thuế đúng hạn cho cơ quan thuế, đảm bảo doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đúng quy định nhà nước đưa ra.
- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có các vấn đề phát sinh và giải trình các số liệu và báo cáo khi cần thiết.
- Cập nhật và lưu trữ sổ sách kế toán một cách chính xác và khoa học.

#### **2.2.2.5. Kế toán Kho – Anh Trần Tuấn**

- ❖ Thực hiện các thủ tục liên quan đến xuất – nhập hàng hóa:
  - Kiểm tra các giấy tờ, chứng từ có liên quan đến hoạt động xuất – nhập hàng hóa khi có yêu cầu theo đúng quy định.
  - Thực hiện xuất, nhập hàng hóa theo quy định kho có yêu cầu.
  - Ghi nhận lại cũng như lưu trữ phiếu xuất, nhập kho.
  - Nhận, lưu rồi chuyển các chứng từ xuất hàng, nhập hàng cho bộ phận kế toán hoặc bộ phận mua hàng theo đúng quy định.
  - Theo dõi lượng hàng hóa nhập, xuất, tồn kho mỗi ngày, sau đó đối chiếu với định mức tồn khi tối thiểu để đưa ra phương án xử lý kịp thời.
- ❖ Theo dõi tình trạng hàng tồn kho:

Nhân viên làm việc tại vị trí thủ kho cần đảm bảo mọi loại hàng hóa đều có định mức tồn kho tối thiểu, theo dõi mỗi ngày. Trong trường hợp có sự biến động về lượng hàng nhập, xuất khẩu, thủ kho cần đề xuất với ban giám đốc về việc thay đổi định mức tồn kho tối thiểu.

❖ Thực hiện những thủ tục đặt hàng của kho:

- Lập đơn hàng nhập khẩu, phiếu yêu cầu mua hàng theo đúng kế hoạch định kỳ.
- Thực hiện thủ tục mua hàng, sau đó theo dõi quá trình hàng hóa được nhập kho.

#### **2.2.2.6. Kế toán Thu chi – Chị Hoàng Lê Thu An**

Thu - chi tiền mặt tại quỹ và kiêm công tác thống kê hạch toán nghiệp vụ phát sinh.

Thực hiện đúng theo chế độ BHXH cho toàn doanh nghiệp.

Quản lý khách nợ, theo dõi chi tiết theo từng khách hàng, lô hàng và số tiền khách chưa thanh toán; thời hạn và tình hình trả nợ của khách.

Hàng tháng chi trả lương cho nhân viên theo bảng lương.

#### **2.2.3. Đặc điểm và chính sách kế toán**

##### **2.2.3.1. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán**

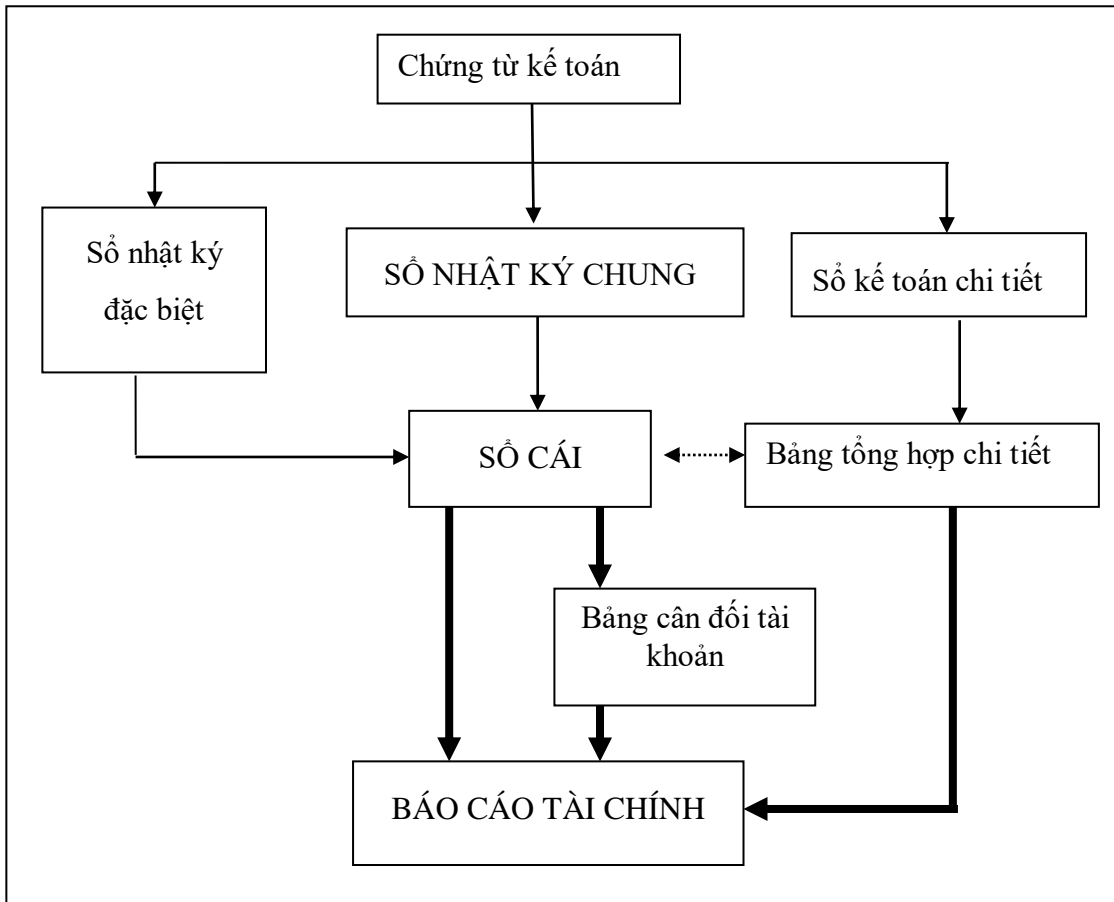
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo “*Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính*” và một số chế độ về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

<b>STT</b>	<b>TÊN CHỨNG TỪ</b>	<b>SỐ HIỆU</b>
	<b>LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG</b>	
1	Bảng chấm công	01-LĐTL
2	Bảng thanh toán tiền lương	02-LĐTL
3	Danh sách người lao động hưởng trợ cấp BHXH	C04-BH
4	Bảng chấm công làm thêm giờ	07-LĐTL
	<b>HÀNG TỒN KHO</b>	
1	Phiếu nhập kho	01-VT
2	Phiếu xuất kho	02-VT
	<b>BÁN HÀNG</b>	
1	Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi	01-BH
	<b>TIỀN TỆ</b>	
1	Phiếu thu	01-TT
2	Phiếu chi	02-TT
3	Giấy đề nghị thanh toán	05-TT
4	Bảng kê chi tiền	09-TT
	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	
1	Biên lai giao nhận TSCĐ	01-TSCĐ
2	Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	06-TSCĐ

### **2.2.3.2. Hình thức kế toán**

Công ty TNHH Kvic Partners hiện áp dụng hình thức các sổ kế toán sau:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Sổ chi tiết các tài khoản.
- Sổ chi tiết phát sinh tài khoản.



**Sơ đồ 2.3. Chứng từ theo hình thức Nhật ký chung**

Ghi chú:

→	Ghi chép hàng ngày
➔	Ghi cuối tháng, định kì
↔	Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra ghi sổ Nhật ký chung, ghi vào sổ cái, chi tiết. Sau khi đối chiếu số liệu khớp, hợp lệ ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết để lập BCTT.

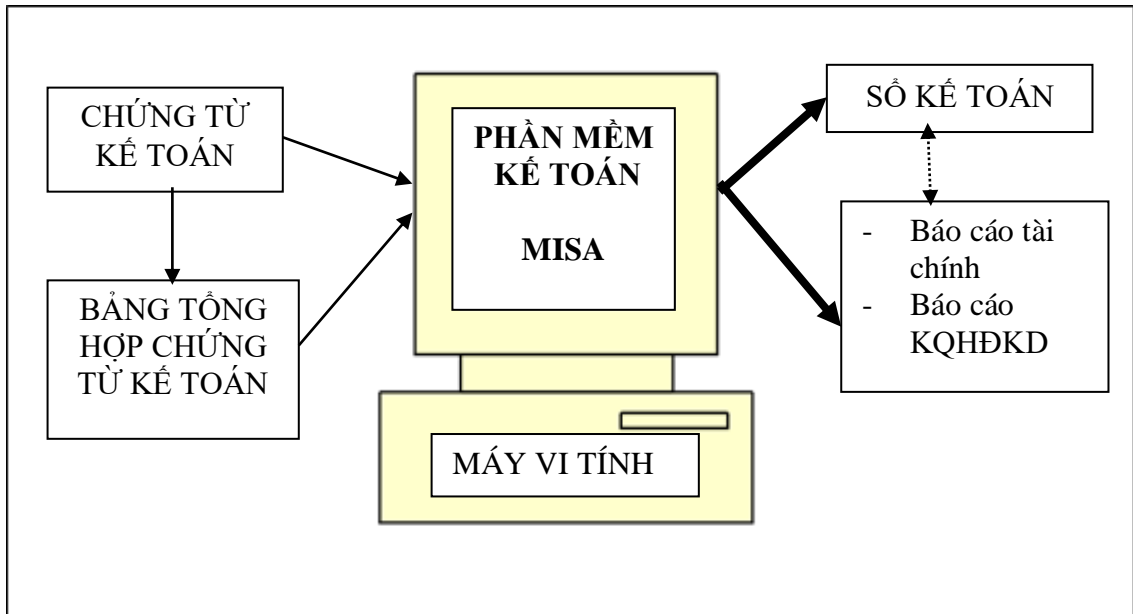
Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

- Phương pháp tính thuế GTGT: tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.
- Phương pháp đánh giá hàng tồn kho và hạch toán HTK:
  - + Phương pháp đánh giá HTK: nhập trước xuất trước.
  - + Phương pháp hạch toán HTK: kê khai thường xuyên.
  - + Phương pháp tính giá trị HTK: Bình quân gia quyền.

### 2.2.3.3. Xử lý dữ liệu kế toán

Doanh nghiệp xử lý dữ liệu kế toán theo hình thức làm việc trên máy vi tính kết hợp với phần mềm Misa và tổ chức ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.

Xử lý dữ liệu trên máy vi tính:



Sơ đồ 2.4. Quy trình ghi sổ trên máy vi tính

Ghi chú:

	Nhập số liệu hàng ngày
	In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
	Đối chiếu, kiểm tra

Hệ thống báo cáo tài chính: Theo “*Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính*”. Công ty luôn hoàn thiện đầy đủ hệ thống các báo cáo kế toán, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Ngôn ngữ trong kế toán: Tiếng Việt.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).
- Kỳ kế toán áp dụng: Kỳ kế toán năm 12 tháng theo năm dương lịch.

- Kỳ hạch toán: Kỳ hạch toán theo từng quý.

#### **2.2.3.4. Hệ thống tài khoản sử dụng**

Doanh nghiệp vận dụng Chế độ kế toán tại doanh nghiệp theo “*Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính*” và chế độ hướng dẫn về sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp; các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn đính kèm theo.

Các báo cáo tài chính được lập ra và trình bày theo đúng quy định của Luật từ từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán hiện hành đang được áp dụng.

#### **2.2.3.5. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty**

- Kỳ kế toán: 1 năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm).
- Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (VND).
- Nguyên tắc chuyển đổi đồng ngoại tệ: Căn cứ vào tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kế toán (áp dụng chuẩn mực kế toán số 10).
- Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức kế toán máy với cách tổ chức theo hình thức ghi sổ Nhật ký chung.
- Hình thức nộp thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Được xác định theo phương pháp giá trị bình quân gia quyền.

### **2.3. Thực trạng công việc kế toán bán hàng tại Công ty TNHH Kvic Partners**

#### **2.3.1. Mô tả công việc kế toán bán hàng**

##### **❖ Yêu cầu của công việc của kế toán bán hàng**

Kế toán bán hàng phải theo dõi tổng hợp và chi tiết tình hình bán ra theo hợp đồng. Đồng thời, kết hợp với kế toán công nợ theo dõi tình hình thu tiền và tình trạng công nợ của từng khách hàng để có thể lên các báo cáo công nợ. Bên cạnh đó, theo dõi việc đổi hàng, trả hàng.

Cuối ngày, kế toán bán hàng lập bảng kê chi tiết các hóa đơn bán hàng và tính tổng giá trị hàng đã bán, thuế GTGT. Tổng hợp và đối chiếu với kế toán kho về số

lượng xuất – tồn của từng mặt hàng. Kiểm tra số liệu bán hàng trên phần mềm Misa với số liệu kho và công nợ. Quản lý và lưu trữ sổ sách, chứng từ liên quan đến hoạt động bán hàng.

❖ **Nhiệm vụ chính của kế toán bán hàng**

- Rà soát các chứng từ, hợp đồng mua bán/ hợp đồng kinh tế và tiến hành hạch toán vào phần mềm.
- Giám sát, kiểm tra tiến độ triển khai kế hoạch bán hàng.
- Đối chiếu số lượng hàng hóa còn tồn trong kho.
- Tổng hợp các khoản chi phí bán hàng phát sinh.
- Quản lý tiền hàng.
- Lập các báo cáo bán hàng.
- In và lưu trữ các chứng từ liên quan.

❖ **Các yêu cầu cho vị trí công việc:**

- Trình độ:
  - ✓ Học chuyên ngành Tài Chính- Kế Toán
  - ✓ Tốt nghiệp trường Cao đẳng/ Đại học
- Kinh nghiệm:
  - ✓ Có kinh nghiệm là một lợi thế
  - ✓ Nếu chưa có kinh nghiệm sẽ được công ty đào tạo
- Kỹ năng:
  - ✓ Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh (một lợi thế)
  - ✓ Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề
  - ✓ Sử dụng các phần mềm kế toán, excel,...

**2.3.2. Kết quả công việc**

➤ **Tài khoản sử dụng liên quan**

- Tài khoản 1111 : Tiền mặt tại quỹ
- Tài khoản 1121 : Tiền gửi ngân hàng
- Tài khoản 1311 : Phải thu khách hàng
- Tài khoản 1561 : Hàng hóa
- Tài khoản 33311 : Thuế GTGT đầu ra phải nộp
- Tài khoản 5111 : Doanh thu bán hàng hóa

- Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán

➤ **Bút toán liên quan**

- Ghi nhận giá vốn hàng bán

Nợ TK 632

Có TK 1561

- Ghi nhận doanh thu bán hàng

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 511

Có TK 3331

➤ **Sổ sách chứng từ kế toán liên quan**

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái tài khoản 111

- Sổ cái tài khoản 112

- Sổ cái tài khoản 131

- Sổ cái tài khoản 632

- Sổ cái tài khoản 3331

- Sổ cái tài khoản 511

- Sổ cái tài khoản 156

- Sổ chi tiết tài khoản 131

- Sổ chi tiết tài khoản 156

- Sổ chi tiết tài khoản 511

- Sổ chi tiết tài khoản 632

➤ **Báo cáo kế toán**

- Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo tài chính

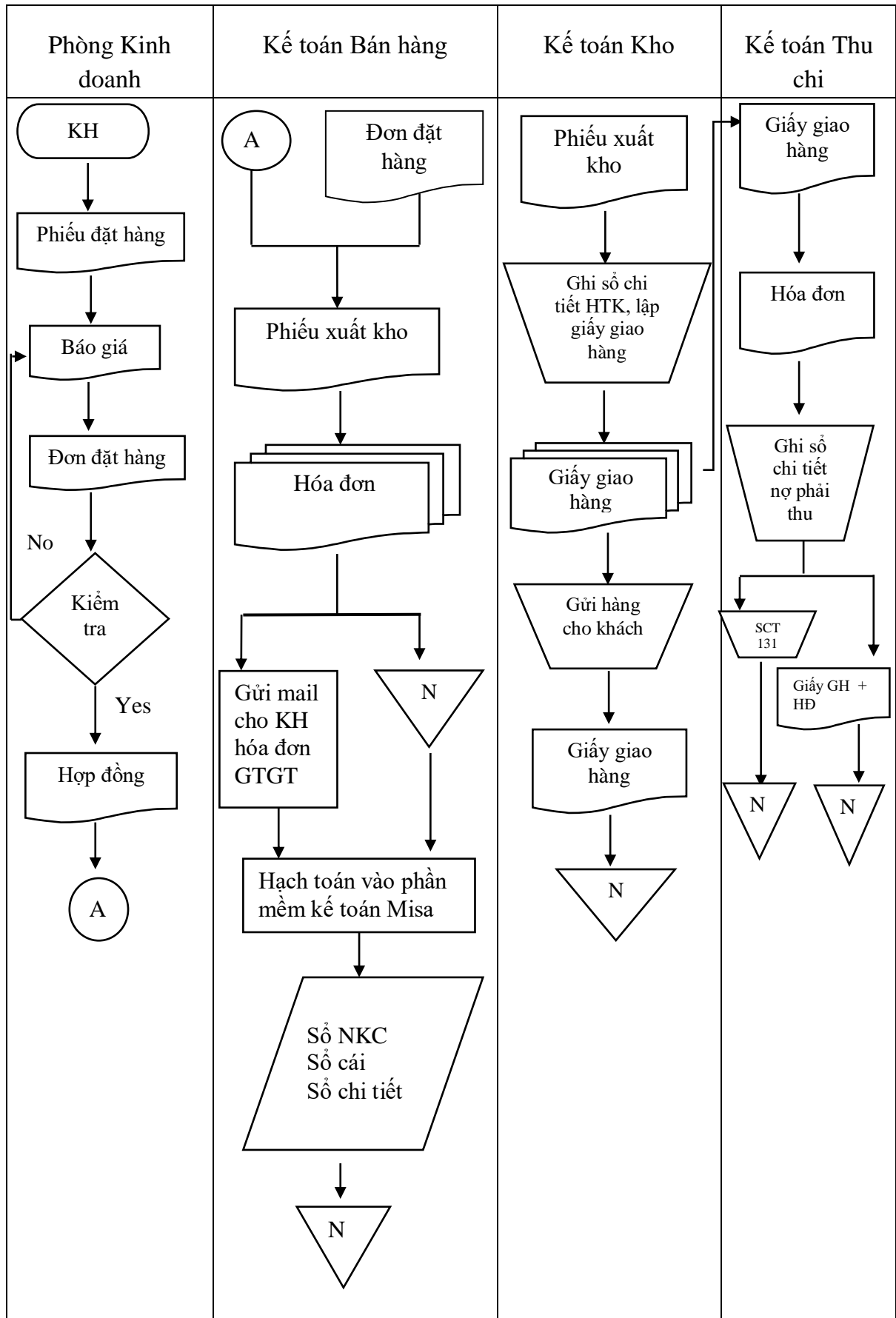
**2.3.3. Trình tự tiến hành**

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Kvic Partners em đã quan sát được chu trình kế toán bán hàng từ những khâu chuẩn bị hàng hóa đến khâu giao hàng cho khách hàng như sau:

Kế toán bán hàng thực hiện các nghiệp vụ doanh thu, các tài khoản đầu ra của doanh nghiệp. Phản ánh việc ghi chép đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin giao hàng, thông tin khách hàng cũng như kiểm tra kiểm tra số lượng đơn giá từng mặt hàng. Sau đó, kế toán bán hàng tiến hành xuất hóa đơn khi khách hàng đồng ý mua theo đơn đặt hàng.

Kế toán bán hàng kiểm tra, tập hợp và nhập số liệu các hóa đơn bán hàng bao gồm hóa đơn bán hàng và hóa đơn bán dịch vụ vào hệ thống phần mềm kế toán Misa.

➤ Trình tự tiến hành:



**Lưu đồ 2.1- Lưu đồ quy trình kế toán bán hàng**

### ❖ **Mô tả các bước thực hiện**

Quy trình gồm 6 bước như sau:

**Bước 1:** Tiếp nhận hợp đồng và đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh

**Bước 2:** Kế toán bán hàng lập phiếu xuất kho

Kế toán bán hàng tiến hành kiểm tra lại các thông tin của khách hàng như tên công ty, mã số thuế, địa chỉ sau đó lập phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho lưu trữ tại bộ phận và gửi cho thủ kho làm căn cứ xuất hàng.

**Bước 3:** Kế toán bán hàng căn cứ vào phiếu xuất kho xuất hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) trên phần mềm kế toán Misa

**Bước 4:** Kế toán bán hàng gửi hóa đơn GTGT qua mail cho khách hàng và lưu tại bộ phận.

**Bước 5:** Hạch toán giá vốn hàng bán và doanh thu vào phần mềm Misa

**Bước 6:** Xuất sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết, sổ cái, và các dữ liệu khác có liên quan và lưu lại.

#### **2.3.3.1. Bút toán liên quan**

Để người đọc có thể hình dung rõ và hiểu sâu hơn về quy trình thực hiện trên, sau đây là một số nghiệp vụ phát sinh tại Công ty TNHH Kvic Partners trong tháng 10 năm 2023 được tiến hành theo quy trình gồm 6 bước như em đã nêu trên.

#### **Nghiệp vụ 1: Bán hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt**

Ngày 19/10/2023, Công ty Cổ phần Hasaki Beauty & Clinic mua một số mặt hàng mỹ phẩm. Thanh toán tổng tiền hàng chưa bao gồm VAT 11.319.099 đồng (VAT 10%).

#### ❖ **Kế toán bán hàng hạch toán các bút toán sau:**

Ghi nhận giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632	10.352.622 đồng
Có TK 1561	10.352.622 đồng

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 1111	12.451.009 đồng
Có TK 5111	11.319.099 đồng
Có TK 33311	1.131.910 đồng

❖ Quy trình thực hiện như sau:

**Bước 1:** Có thông báo xuất bán hàng hóa cho khách hàng gửi đến Phòng Kế toán

**Bước 2:** Kế toán bán hàng lập phiếu xuất kho số XK04234 ngày 19 tháng 10 năm 2023 (Xem phụ lục 2)

Kế toán bán hàng tiến hành kiểm tra lại các thông tin của khách hàng như tên công ty, mã số thuế, địa chỉ sau đó lập phiếu xuất kho.

**Bước 3:** Kế toán bán hàng căn cứ vào phiếu xuất kho số XK04234 (Xem phụ lục 2) và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000693 (Xem phụ lục 3) trên phần mềm kế toán Misa.

**Bước 4:** Lập phiếu thu tiền khách hàng số PT01482 (Xem phụ lục 4)

**Bước 5:** Hạch toán giá vốn hàng bán và doanh thu vào phần mềm kế toán Misa

Kế toán bán hàng nhập vào phần mềm kế toán Misa để ghi nhận doanh thu bán hàng và in hóa đơn GTGT số 00000693 ngày 19/10/2023. Các dữ liệu sẽ ghi nhận vào sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục 1), sổ cái tài khoản 5111 (Xem phụ lục 16).

**Chứng từ bán hàng BH04234** 1. Bán hàng hóa trong nước Nhập số phiếu xuất

Hướng dẫn

Mã khách hàng: KH00176 Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC Mã số thuế: 0313612829 Ngày hạch toán: 19/10/2023 10:24:11

Người liên hệ: 12 Nguyễn Đình Chiểu, phường 1, Thành Địa chỉ: 71 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh Ngày chứng từ: 19/10/2023

Nhân viên bán hàng: Diễn giải: Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn số 00000693 Số chứng từ: BH04234

Tham chiếu: 00000693 XK04234 PT01482

Điều khoản thanh toán: Số ngày được nợ: Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Tổng tiền thanh toán: **12.451.009**

Hàng tiền: Giá vốn

Loại tiền: VND Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	TK công nợ	TK doanh thu	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT
1	8809335481056	131	5111	Cái	1,00 1,00 PCE	44.390,00 44.390,00/PCE	44.390	10	4.439	33311
2	8809615056011	131	5111	Cái	15,00 15,00 PCE	44.389,00 44.389,00/PCE	665.835	10	66.584	33311
3	8809563063567	131	5111	Cái	35,00 35,00 PCE	211.636,00 211.636,00/PCE	7.407.260	10	740.726	33311
4	8809290736758	131	5111	Hộp	2,00	379.600,00	759.200	10	75.920	33311
5	8809610271426	131	5111	Cái	35,00	14.727,00	515.445	10	51.545	33311
6	8809615058381	131	5111	Cái	3,00 3,00 PCE	44.389,00 44.389,00/PCE	133.167	10	13.317	33311
7	8809615058305	131	5111	Cái	18,00 18,00 PCE	44.389,00 44.389,00/PCE	799.002	10	79.900	33311
8	8809290737489	131	5111	Hộp	2,00	497.400,00	994.800	10	99.479	33311
					<b>111,00</b>					
					(ĐVND: 111,00)		<b>11.319.099</b>		<b>1.131.910</b>	

**Hình 2.2- Giao diện hạch toán bút toán ghi nhận doanh thu của HĐ 00000693**

(Nguồn: Công ty TNHH Kvic Partners cung cấp)

**Chứng từ bán hàng BH04234** 1. Bán hàng hóa trong nước Nhập số phiếu xuất

Hướng dẫn

**Chứng từ ghi nợ** Phiếu xuất Hóa đơn

**ĐÃ CẤP MÃ**  
MÃ QCT: 00E43B765A...

Mã khách hàng: KH00176 Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC Mã số thuế: 0313612829 Ngày hạch toán: 19/10/2023 10:24:11

Người liên hệ: 12 Nguyễn Đình Chiểu, phường 1, Thành Địa chỉ: 71 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh Ngày chứng từ: 19/10/2023

Nhân viên bán hàng: Diên giải: Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn số 00000693 Số chứng từ: BH04234

Tham chiếu: 00000693 XK04234 PT01482 --

Điều khoản thanh toán Số ngày được nợ Hạn thanh toán

Hàng tiền Giá vốn

Loại tiền: VND Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK giá vốn	TK kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá vốn	Tiền vốn	Số lá	Hạn sử dụng	
1	8809335481056	Dưỡng môi (Mediheal Labocare Pantenolips Healbalm)	KHO0001	632	1561	Cái	1,00	24.970,40	24.970			
2	8809615056011	Son dưỡng môi MEDIHEAL LABOCARE PANTENOLIPS HEALSSENCE CORAL, hiệu MEDIHEAL, dạng tuyp 10ml	KHO0001	632	1561	Cái	15,00	25.604,52	384.068			
3	8809563063567	Nước hoa hồng (Dr.Pepti+ Centella Toner)	KHO0001	632	1561	Cái	35,00	146.199,64	5.116.987			
4	8809290736758	Inner gel 20 ống	KHO0001	632	1561	Hộp	2,00	339.999,51	679.999			
5	8809610271426	Mặt nạ dưỡng da DR.PEPTI Centella Moist Energy Mask, nhãn hiệu: DR.PEPTI, dạng hộp, 7 miếng/ hộp	KHO0001	632	1561	Cái	35,00	79.025,57	2.765.895			
6	8809615058381	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SLEEPING MASK hiệu MEDIHEAL, dạng tuyp 10ml	KHO0001	632	1561	Cái	3,00	25.764,72	77.294			
7	8809615058305	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SCRUB hiệu MEDIHEAL, dạng tuyp 10ml	KHO0001	632	1561	Cái	18,00	25.744,97	463.409			
							<b>111,00</b>		<b>10.352.622</b>			
							(ĐVT: 111,00)					

### Hình 2.3- Giao diện hạch toán bút toán ghi nhận giá vốn của HĐ 00000693

(Nguồn: Công ty TNHH Kvic Partners cung cấp)

**Bước 6:** Xuất sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục 1); Sổ chi tiết tài khoản 111, 511 (Xem phụ lục 18,19); Sổ cái tài khoản 131, 632, 33311, 511, 156 (Xem phụ lục 13, 14, 15, 16, 17).

#### Nghiệp vụ 2: Bán hàng thanh toán bằng chuyển khoản

Ngày 20/10/2023, Công ty TNHH Kvic Partners bán hàng cho Công ty Cổ phần Matsumoto Kiyoshi Việt Nam một số mặt hàng mỹ phẩm với số tiền là 4.531.000 đồng chưa bao gồm VAT 10% thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

#### ❖ Kế toán bán hàng hạch toán các bút toán sau:

Ghi nhận giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632                      2.686.896 đồng

Có TK 1561                      2.686.896 đồng

Ghi nhận doanh thu

Nợ TK 1121                      4.984.100 đồng

Có TK 5111                      4.531.000 đồng

Có TK 33311                      453.100 đồng

❖ Quy trình thực hiện như sau:

**Bước 1:** Nhận hợp đồng số 100196/2023 (Xem phụ lục 5) và đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh (Xem phụ lục 6)

**Bước 2:** Kế toán bán hàng lập phiếu xuất kho số XK04239 ngày 20 tháng 10 năm 2023 (Xem phụ lục 7)

Kế toán bán hàng tiến hành kiểm tra lại các thông tin của khách hàng như tên công ty, mã số thuế, địa chỉ sau đó lập phiếu xuất kho.

**Bước 3:** Kế toán bán hàng căn cứ vào phiếu xuất kho số XK04239 (Xem phụ lục 7) và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000698 (Xem phụ lục 8) trên phần mềm kế toán Misa

**Bước 4:** Kế toán bán hàng gửi hóa đơn GTGT qua mail cho khách hàng và lưu tại bộ phận. (Xem phụ lục 9)

**Bước 5:** Hạch toán giá vốn hàng bán và doanh thu vào phần mềm kế toán Misa

Kế toán bán hàng nhập vào phần mềm kế toán Misa để ghi nhận doanh thu bán hàng và in hóa đơn GTGT số 00000698 ngày 20/10/2023. Các dữ liệu sẽ ghi nhận vào sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục 1), sổ cái tài khoản 5111 (Xem phụ lục 16).

The screenshot displays the MISA invoicing software interface for invoice BH04239. The header includes the company name 'CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KYOSHI VIỆT NAM' and tax code '0315878101'. The total amount is 4.984.100 VND. The table below lists the items:

#	Mã hàng	TK công nợ	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT
1	8809615058305	131	5111	Cái	5,00	49.000,00	245.000	10	24.500	33311
2	8809615056011	131	5111	Cái	14,00	49.000,00	686.000	10	68.600	33311
3	8809615057049	131	5111	Cái	40,00	15.000,00	600.000	10	60.000	33311
4	8809615056981	131	5111	Cái	100,00	15.000,00	1.500.000	10	150.000	33311
5	8809615057001	131	5111	Cái	100,00	15.000,00	1.500.000	10	150.000	33311
							259,00	4.531.000	453.100	

Summary: Tổng số: 5 bản ghi. Tổng tiền hàng: 4.531.000. Thuế GTGT: 453.100. Tổng tiền thanh toán: 4.984.100.

**Hình 2.4- Giao diện hạch toán bút toán ghi nhận doanh thu của HĐ 00000698**

(Nguồn: Công ty TNHH Kvic Partners cung cấp)

**Chứng từ bán hàng BH04239** 1. Bán hàng hóa trong nước Nhập số phiếu xuất

KH\_MATSUMOTOKIYOSHI + CỘNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM 0315878101 20/10/2023 10:24:16

Người liên hệ Địa chỉ Ngày chứng từ  
MATSUMOTO KIYOSHI VAN HANH MALL 9-9A Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 20/10/2023

Nhân viên bán hàng Diễn giải Số chứng từ  
Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698 BH04239

Tham chiếu 00000698 XK04239 NTK02872 --

Điều khoản thanh toán Số ngày được nợ Hạn thanh toán

Hàng tiền Giá vốn Loại tiền VND Chiết khấu Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK giá vốn	TK kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá vốn	Tiền vốn	Số lẻ	Hạn sử dụng
1	8809615058305	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SCRUB hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	KHO0001	632	1561	Cái	5,00	25.744,97	128.725		
2	8809615056011	Son dưỡng môi MEDIHEAL LABOCARE PANTENOLIPS HEALSSENCE CORAL, hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	KHO0001	632	1561	Cái	14,00	25.604,52	358.463		
3	8809615057049	Mặt nạ dưỡng da, MEDIHEAL PLACENTA ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	KHO0001	632	1561	Cái	40,00	9.232,08	369.283		
4	8809615056981	Mặt nạ dưỡng da, MEDIHEAL VITA ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	KHO0001	632	1561	Cái	100,00	8.975,74	897.574		
5	8809615057001	Mặt nạ dưỡng da, MEDIHEAL WATERMIDE ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	KHO0001	632	1561	Cái	100,00	9.328,51	932.851		
							259,00		2.686.896		

Tổng số: 5 bản ghi

Thêm dòng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Là hóa đơn thay thế

Địa điểm giao hàng

Tổng tiền hàng 4.531.000  
Thuế GTGT 453.100  
Tổng tiền thanh toán 4.984.100

## Hình 2.5- Giao diện hạch toán bút toán ghi nhận giá vốn của HĐ 00000698

(Nguồn: Công ty TNHH Kvic Partners cung cấp)

**Bước 6:** Xuất số Nhật ký chung (Xem phụ lục 1); Số chi tiết tài khoản 131, 156, 511, 632 (Xem phụ lục 20, 21, 22, 23); Số cái tài khoản 131, 632, 33311, 511, 156 (Xem phụ lục 13, 14, 15, 16, 17).

### Nghiệp vụ 3: Bán hàng chưa thu tiền

Ngày 23/10/2023, Công ty TNHH Kvic Partners xuất bán một số mặt hàng mỹ phẩm cho Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Bepos Việt Nam với tổng tiền hàng là 3.501.200.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Phương thức thanh toán sau 30 ngày kể từ này nhận hóa đơn GTGT và các chứng từ liên quan.

#### ❖ Kế toán bán hàng hạch toán các bút toán sau:

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Nợ TK 632 3.302.304.815 đồng

Có TK 1561 3.302.304.815 đồng

Ghi nhận doanh thu bán hàng

Nợ TK 131 3.851.320.000 đồng

Có TK 5111 3.501.200.000 đồng

Có TK 33311 350.120.000 đồng

## ❖ Quy trình thực hiện như sau:

**Bước 1:** Nhận hợp đồng mua bán số 070823/HDMB/KVIC-BEPOS từ phòng kinh doanh (Xem phụ lục 10)

**Bước 2:** Kế toán bán hàng lập phiếu xuất kho số XK04241 ngày 23 tháng 10 năm 2023 (Xem phụ lục 11)

Kế toán bán hàng tiến hành kiểm tra lại các thông tin của khách hàng như tên công ty, mã số thuế, địa chỉ sau đó lập phiếu xuất kho.

**Bước 3:** Kế toán bán hàng căn cứ vào phiếu xuất kho số XK04241 (Xem phụ lục 11) và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000709 (Xem phụ lục 12) trên phần mềm kế toán Misa

**Bước 4:** Kế toán bán hàng ghi nhận phải thu khách hàng vì thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn GTGT theo hợp đồng số 070823/HDMB/KVIC-BEPOS (Phụ lục 10)

**Bước 5:** Hạch toán giá vốn hàng bán và doanh thu vào phần mềm kế toán Misa

Kế toán bán hàng nhập vào phần mềm kế toán Misa để ghi nhận doanh thu bán hàng và in hóa đơn GTGT số 00000709 ngày 23/10/2023. Các dữ liệu sẽ ghi nhận vào sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục 1), sổ cái tài khoản 5111 (Xem phụ lục 16).

**Chứng từ bán hàng BH04241** 1. Bán hàng hóa trong nước Nhập số phiếu xuất

Chưa thu tiền Thu tiền ngay Tiền mặt Kiểm phiếu xuất Lập kèm hóa đơn

**Chứng từ ghi nợ** Phiếu xuất Hóa đơn

Mã khách hàng KH00078 Tên khách hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM Mã số thuế 0108740384 Ngày hạch toán 23/10/2023 14:44:22

Người liên hệ Địa chỉ Tầng 1, NO07-LK28 - Khu đất dịch vụ LK20a, LK 20b, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam Ngày chứng từ 23/10/2023

Nhân viên bán hàng Diễn giải Bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000709 Số chứng từ BH04241

Tham chiếu 00000709 XK04241 ...

Điều khoản thanh toán Số ngày được nợ Hạn thanh toán DD/MM/YYYY

**Đã lập hóa đơn đã cấp mã** Mã QCT: 00C9A02E88...

Tổng tiền thanh toán **3.851.320.000**

Hàng tiền Giá vốn Loại tiền VND Chiết khấu Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
1	8809610271440	Tinh chất dưỡng da_DR.PEPTI Centella Dark Spot Solution Ampoule, Nhãn hiệu Dr.Pepti, dạng chai 30ml	131	5111	Cái	1.000,00	174.500,00
2	8809610272249	Nước hoa hồng (Dr.Pepti Centella Toner Ex), Nhãn hiệu Dr.Pepti, dạng chai-180ml	131	5111	Cái	19.500,00	170.600,00
							<b>20.500,00</b>

Tổng số: 2 bản ghi

Thêm dòng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Là hóa đơn thay thế

Địa điểm giao hàng

Tổng tiền hàng 3.501.200.000  
Thuế GTGT 350.120.000  
Tổng tiền thanh toán 3.851.320.000

**Hình 2.6- Giao diện hạch toán bút toán ghi nhận doanh thu của HĐ 00000709**

(Nguồn: Công ty TNHH Kvic Partners cung cấp)

**Chứng từ bán hàng BH04241** 1. Bán hàng hóa trong nước Nhập số phiếu xuất

Hướng dẫn

Chưa thu tiền Thu tiền ngay Tiền mặt Kiểm phiếu xuất Lập kèm hóa đơn

**Chứng từ ghi nợ** Phiếu xuất Hóa đơn

Mã khách hàng KH00078 Tên khách hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM Mã số thuế 0108740384 Ngày hạch toán 23/10/2023 14:44:22

Người liên hệ Địa chỉ Tầng 1, NO07-LK28 - Khu đất dịch vụ LK20a, LK 20b, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam Ngày chứng từ 23/10/2023

Nhân viên bán hàng Diễn giải Bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000709 Số chứng từ BH04241

Tham chiếu 00000709 XK04241 ...

Điều khoản thanh toán Số ngày được nợ Hạn thanh toán DD/MM/YYYY

Hàng tiền Giá vốn Loại tiền VND Chiết khấu Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK giá vốn	TK kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá vốn	Tiền vốn	Số lẻ	Hạn sử dụng
1	8809610271440	Tinh chất dưỡng da_DR.PEPTI Centella Dark Spot Solution Ampoule, Nhãn hiệu Dr.Pepti, dạng chai 30ml	KHO0001	632	1561	Cái	1.000,00	167.404,28	167.404.280		
2	8809610272249	Nước hoa hồng (Dr.Pepti Centella Toner Ex), Nhãn hiệu Dr.Pepti, dạng chai-180ml	KHO0001	632	1561	Cái	19.500,00	160.764,13	3.134.900.535		
							<b>20.500,00</b>		<b>3.302.304.815</b>		

Tổng số: 2 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Thêm dòng Thêm ghi chú Xóa hết dòng

Là hóa đơn thay thế

Địa điểm giao hàng

Tổng tiền hàng 3.501.200.000  
Thuế GTGT 350.120.000  
Tổng tiền thanh toán 3.851.320.000

## Hình 2.7- Giao diện hạch toán bút toán ghi nhận giá vốn của HD 00000709

(Nguồn: Công ty TNHH Kvic Partners cung cấp)

**Bước 6:** Xuất sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục 1); Sổ chi tiết tài khoản 511, 632 (Xem phụ lục 24); Sổ cái tài khoản 131, 632, 33311, 511, 156 (Xem phụ lục 13, 14, 15, 16, 17).

### ❖ Kết quả công việc kế toán bán hàng

#### ➤ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho: do kế toán bán hàng lập.
- Phiếu thu: do Kế toán Thu – chi lập.
- Hóa đơn GTGT: do kế toán bán hàng (chị Mỹ Duyên) xuất.

#### ➤ Hình thức thanh toán: tiền mặt, chuyển khoản và thanh toán sau.

#### ➤ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 111 : Tiền mặt
- Tài khoản 112 : Tiền gửi ngân hàng
- Tài khoản 131 : Phải thu khách hàng
- Tài khoản 1561 : Hàng hóa
- Tài khoản 33311 : Thuế GTGT đầu ra phải nộp
- Tài khoản 5111 : Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán

➤ **Báo cáo kế toán**

- Bảng cân đối kế toán (Xem phụ lục 25)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Xem phụ lục 26)
- Báo cáo tài chính (Xem phụ lục 27)

➤ **Cách lưu trữ hồ sơ kế toán:**

- ✓ Hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán được ký kết giữa hai bên
- ✓ Đơn đặt hàng
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng
- ✓ Phiếu thu
- ✓ Phiếu mua hàng
- ✓ Bảng kê chi tiết, tổng hợp xuất kho
- ✓ Giấy kiểm định, chứng nhận về sản phẩm
- ✓ Giấy đề nghị thanh toán

**2.3.4. Kiểm tra kết quả công việc**

Chị Kế toán Trưởng Nguyễn Thị Thùy Sương là người trực tiếp kiểm tra.

Cách kiểm tra: theo định kỳ hàng tháng

- Đối chiếu số liệu trên Excel với số liệu trên phần mềm kế toán Misa.
- Kiểm tra việc lập bảng kê hóa đơn GTGT và lưu chứng từ hóa đơn.
- Kiểm tra số liệu khớp trên tờ khai.
- Kiểm tra cung cấp đầy đủ các chứng từ kế toán có liên quan, kiểm tra sự chính xác, phù hợp của các chứng từ kế toán (sổ Nhật ký chung, SCT từng tài khoản, Phiếu thu/chi,...).
- Kiểm tra việc định khoản và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Kiểm tra hàng tồn kho cuối tháng.
- Kiểm tra lập và kê khai thuế GTGT, kiểm tra lập báo cáo thuế TNDN.

**2.3.5. Nhận xét và phân tích về tình hình tài chính**

❖ **Phân tích bảng Cân đối kế toán theo chiều ngang\_Phần tài sản**

**Bảng 2.1- Bảng cân đối kế toán\_Phần tài sản**

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch	
			Số tuyệt đối (đồng)	Tương đối (%)
Tài sản ngắn hạn	108.884.608.248	67.439.608.745	(41.444.999.503)	(38,06)
Tiền và các khoản tương đương tiền	944.908.773	537.515.936	(457.392.837)	(45,97)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	68.557.020.519	13.679.233.394	(54.877.787.125)	(80,05)
Hàng tồn kho	36.275.089.918	49.843.139.291	13.568.049.373	37,4
Tài sản ngắn hạn khác	3.107.589.137	3.379.720.124	272.130.987	8,76
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>26.250.000</b>	<b>121.650.000</b>	<b>95.400.000</b>	<b>263,17</b>
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
Tài sản cố định	26.250.000	121.650.000	95.400.000	263,17
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Tài sản dang dở dài hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>108.910.858.248</b>	<b>67.561.258.745</b>	<b>(41.349.599.503)</b>	<b>(37,97)</b>

➤ **Tình hình biến động phần tài sản:**

Qua bảng phân tích trên cho thấy, giá trị tài sản của Công ty TNHH Kvic Partners giảm qua các năm. Giá trị tài sản cuối năm 2023 so với năm 2022 giảm 41.394.599.503 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 37,97%. Đi vào xem xét từng loại tài sản ta thấy:

Tiền và các khoản tương đương tiền năm 2023 bị giảm so với năm 2022 là 457.392.837 đồng tương ứng tỷ lệ giảm 45,97%. Nguyên nhân của sự đi xuống này là do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid-19 từ cuối năm 2020, nên kinh tế có nhiều sự biến động chưa kiểm soát được.

Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2023 so với năm 2022 giảm 54.877.787.125 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 80,05%. Nguyên nhân là do doanh nghiệp tiêu thụ được ít sản phẩm, giá trị của hàng hóa bán thấp cùng với đó các hợp đồng được ký kết bị giảm đi, hơn nữa việc hoạt động của công ty chưa đi vào ổn định.

Mặt khác, hàng tồn kho của công ty bị ứ đọng khá nhiều nằm ở con số lên tới 13.568.049.373 đồng tương ứng tỷ lệ tăng 37,4%. Vì công ty chuyên về nhập khẩu và phân phối mỹ phẩm nên việc hàng tồn kho tăng là một điều hiển nhiên.

❖ **Phân tích bảng Cân đối kế toán theo chiều ngang\_ Phần Nguồn vốn:**

**Bảng 2.2- Bảng cân đối kế toán \_Phần nguồn vốn**

Chỉ tiêu	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)	Chênh lệch giá trị	
			Số tuyệt đối (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>A. TÀI SẢN</b>	108.910.858.248	67.561.258.745	<b>(41.349.599.503)</b>	<b>(37,97)</b>
I. Tài sản ngắn hạn	108.884.608.248	67.439.608.745	<b>(41.444.999.503)</b>	<b>(38,06)</b>
II. Tài sản dài hạn	26.250.000	121.650.000	<b>95.400.000</b>	<b>363,43</b>
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	108.910.858.248	67.561.258.745	<b>(41.349.599.503)</b>	<b>(37,97)</b>
❖ Nợ phải trả	115.124.889.598	70.502.230.864	<b>(44.622.658.734)</b>	<b>(38,76)</b>
1.Nợ ngắn hạn	115.124.889.598	70.502.230.894	<b>(44.622.658.734)</b>	<b>(38,76)</b>
2.Nợ dài hạn	-	-	-	-
❖ Vốn chủ sở hữu	6.214.031.350	2.940.972.119	<b>(3.273.059.231)</b>	<b>(52,67)</b>

➤ **Nhận xét:**

Về tài sản: Kết quả phân tích cho thấy từ năm 2022 đến năm 2023, tổng tài sản của công ty giảm 41.349.599.503 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm là 37,97%. Như vậy, quy mô của công ty bị giảm so với năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm

41.444.999.503 đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm là 38,06%, và tài sản dài hạn tăng 95.400.000 đồng tương ứng với tỷ lệ là tăng 363,43%.

Về nguồn vốn: Kết quả phân tích cho thấy từ năm 2022 đến năm 2023, tổng nguồn vốn của công ty giảm 41.349.599.503 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 37,97%. Quy mô của công ty bị giảm so với năm trước.

❖ **Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và năm 2023**

**Bảng 2.3- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Chỉ tiêu	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)	Chênh lệch giá trị	
			Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.565.785.043	184.165.309.299	138.599.524.256	304,17
2.Giá vốn hàng bán	44.851.470.001	144.729.431.487	99.877.961.486	223
3.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	701.723.598	39.225.937.812	38.524.214.214	5,49
4.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.386.402.726)	3.820.659.920	(6.565.742.806)	63
5.Lợi nhuận sau thuế TNDN	(12.643.741.097)	3.654.488.395	(8.989.252.702)	71

➤ **Nhận xét:**

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và năm 2023 được thể hiện ở Bảng 3.

Nhìn vào phần “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có sự tăng trưởng 138.599.524.256 đồng tương ứng tỷ lệ 304.17%. Đây là chỉ tiêu quan trọng phản ánh được tình hình bán hàng của doanh nghiệp

Chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” phản ánh chi phí đầu vào của doanh nghiệp, kết quả phân tích cho thấy GVBH đã tăng lên 99.877.961.486 đồng tương ứng tỷ lệ 223%. Phần chỉ tiêu doanh thu tăng không đáng kể nên cần phải có nhiều chính sách bán hàng, cũng như chính sách ưu đãi khuyến mãi.

Về chỉ tiêu “Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh”, nhìn vào năm 2022 doanh nghiệp bị âm 10.386.402.726 đồng (lỗ) nhưng năm 2023 doanh nghiệp đã có lãi bằng chứng là đã trở về con số dương 3.820.659.920 đồng. Vì đã tăng cường các chương trình giới thiệu sản phẩm đến khách hàng và quảng bá thương hiệu thông qua các gương mặt đại diện có sức hút trên cộng đồng mạng.

Dựa vào bảng 3, ta thấy chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN” cũng có sự chuyển biến đi lên. Năm 2022 doanh nghiệp bị âm ở con số 12.643.741.097 đồng, bước sang năm 2023 doanh nghiệp đã có biện pháp cải tiến giúp con số trở về lại con số dương 3.654.488.395 đồng.

## CHƯƠNG 3

# NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

### 3.1. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán tại Công ty TNHH Kvic Partners

#### 3.1.1. Sự cần thiết

Trong những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế hiện nay, mức độ cạnh tranh trên thị trường được ví như là thương trường khốc liệt. Chính vì lẽ đó, muốn phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp cần xây dựng cho mình chiến lược rõ ràng cụ thể để đưa doanh thu đạt mức tối ưu bù trừ cho chi phí và thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước.

Để làm được điều này, doanh nghiệp cần:

Hoạt động kinh doanh mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu và tạo được sự tin tưởng của khách hàng. Xây dựng thương hiệu lớn mạnh trên thương trường, tổ chức tốt công tác bán hàng, giám sát và bảo đảm bộ máy kế toán bán hàng vận hành hiệu quả.

Tuân thủ pháp luật quy định về thuế GTGT: Công ty có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định về kế toán, kê khai và nộp thuế GTGT theo quy định của pháp luật.

Kế toán phải duy trì sự bảo mật thông tin có được từ khách hàng, trong nội bộ doanh nghiệp kế toán và tổ chức nơi làm việc.

Khoảng thời gian thực tập không quá dài nhưng đủ để bản thân em tiếp xúc và tìm hiểu “Quy trình bán hàng” tại Công ty TNHH Kvic Partners, giúp em hình dung rõ hơn về sự cần thiết cũng như tầm quan trọng trong công tác kế toán bán hàng. Qua đây, để hoàn thiện tốt hơn công tác kế toán bán hàng cũng mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp, giám sát và quản lý chặt về tình hình lưu thông hàng hóa giúp nhà quản trị nắm bắt tình hình công ty từ đó thực hiện chức năng kiểm soát vĩ mô nền kinh tế.

Tóm lại, kế toán bán hàng là một công cụ quan trọng không thể thiếu trong một doanh nghiệp, đặc biệt một doanh nghiệp thương mại. Cung cấp tất tần tật mọi thông tin cho cơ quan Nhà nước kiểm tra việc chấp hành về tình hình tài chính của doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Vậy nên việc hoàn thiện công tác kế toán bán hàng là vấn đề cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào.

#### 3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện

- Tăng cường kiểm soát nội bộ: Công ty cần tăng cường kiểm soát nội bộ trong công tác kế toán, kiểm tra chéo, phân công trách nhiệm rõ ràng.

- Nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán: Công ty đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn về kế toán cho các nhân viên.
- Ứng dụng công nghệ thông tin: cập nhật các phần mềm kế toán hỗ trợ cho việc hạch toán dễ dàng hơn, thuận tiện hơn.

### **3.2. Nhận xét và đưa ra giải pháp hoàn thiện**

#### **3.2.1. Nhận xét về công tác bộ máy kế toán**

##### **❖ Ưu điểm**

- Bộ máy kế toán: Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả giúp lãnh đạo công ty trong việc giám sát thi công, quản lý kinh tế, tổ chức hạch toán được tiến hành hợp lý, khoa học, phù hợp với điều kiện hiện nay. Phòng kế toán có đội ngũ nhân viên trẻ, có trình độ năng lực, nhiệt tình và trung thực, đã góp phần đắc lực vào công tác hạch toán và quản lý kinh tế của công ty.
- Việc dùng phần mềm kế toán vào công tác kế toán tại công ty đã giúp việc hạch toán được nhanh chóng và chính xác hơn, giảm bớt được khối lượng công việc cho phòng kế toán.
- Xuất phát từ tình hình thực tế kinh doanh của Công ty thương mại lớn, khối lượng nghiệp vụ kế toán phát sinh ngày càng nhiều nên khối lượng công việc lớn và phức tạp, do đó công ty đã áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính. Với việc đưa vào sử dụng phần mềm kế toán Misa dựa trên hình thức ghi sổ Nhật ký chung đã giúp giảm tải rất nhiều cho các nhân viên kế toán trong việc xử lý cũng như đẩy nhanh tiến độ công việc, đảm bảo chính xác và kịp thời cho việc xử lý và cung cấp thông tin kế toán.
- Quy trình kế toán cũng như quản lý đã tuân thủ các quy định của cấp trên và nhà nước.
- Nhìn chung quy mô hoạt động của Công ty tương đối lớn, mạng lưới tiêu thụ rộng khắp đất nước.

##### **❖ Nhược điểm**

- Việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ là rất cần thiết nhưng làm cho công tác kế toán ở các đội thiếu chính xác, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.
- Ngoài ra, do đặc thù hình thức kinh doanh của công ty đa dạng nên phương thức thanh toán đa dạng: ngoài thanh toán tiền mặt, chuyển khoản thì công ty còn có chính sách cho người mua trả góp, ship code, thanh toán trực tuyến qua ứng dụng, qua mã

QR, thanh toán bằng thẻ ATM, Visa, MasterCard,... Vì vậy, đây cũng là một khó khăn nhỏ trong công tác kế toán bán hàng tại đơn vị, đòi hỏi các nhân viên bán hàng, nhân viên kế toán và cả thu ngân phải hiểu biết sâu rộng, có trình độ cao và có nhiều kinh nghiệm mới hạch toán đúng nghiệp vụ phát sinh.

- Hệ thống kiểm soát nội bộ còn chưa được thiết lập chặt chẽ, hiệu quả do đó cũng dẫn đến kết quả hoạt động công tác kế toán bán hàng hóa gặp nhiều khó khăn do nhân viên làm việc còn chưa đúng trách nhiệm, nghĩa vụ và còn chểnh mảng trong quá trình làm việc.

### **3.2.2. Về kế toán bán hàng**

#### **❖ Ưu điểm**

- Về chứng từ và sổ sách của công ty cập nhật đầy đủ, kịp thời đảm bảo tính pháp lý, tổ chức luân chuyển chứng từ khoa học thuận tiện cho việc ghi sổ kế toán.
- Về công tác hạch toán mua bán hàng hóa, kế toán Công ty đã tổ chức hạch toán theo từng sản phẩm, trong từng tháng, từng quý rõ ràng. Một năm công ty có 4 quý, một quý 3 tháng được hạch toán một cách đơn giản, phục vụ tốt yêu cầu quản lý việc mua bán hàng hóa.
- Về tổ chức kho bảo quản: Nhằm đảm bảo không bị hao hụt, Công ty TNHH Kvic Partners có kho bảo quản hàng hóa, các phương tiện vận tải riêng biệt, và có bộ phận giám sát kiểm tra hàng hóa thường xuyên.
- Nghiệp vụ phát sinh đều được kế toán bán hàng phản ánh kịp thời, chính xác trên các sổ kế toán của các tài khoản có liên quan giúp cho công tác theo dõi và nộp thuế của công ty tương đối tốt.
- Công việc kê khai luôn kết hợp với các biện pháp kiểm tra, đối chiếu và xét duyệt đầy đủ để có thể tránh các sai sót xảy ra. Các chứng từ, hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ mua vào và bán ra sau khi hạch toán xong sẽ được kế toán sắp xếp một cách khoa học theo thứ tự từ ngày tháng tăng dần rồi đóng vào thành một tệp. Việc này sẽ giúp kế toán tìm kiếm dễ dàng khi cần sử dụng.
- Kê khai đầy đủ các bảng kê hóa đơn chứng từ của hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra theo đúng thời hạn quy định.
- Cuối năm, công ty luôn đảm bảo việc lập các báo cáo quyết toán thuế được kế toán thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn.

#### **❖ Nhược điểm**

- Bên cạnh ưu điểm công ty áp dụng việc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, nó cũng có nhược điểm vì việc tổng hợp số liệu báo cáo không kịp thời nếu sự phân công công tác của cán bộ kế toán không hợp lý.
- Trên thực tế để thuận tiện trong công tác bán hàng, công ty để nhân viên bán hàng kiêm cả nhiệm vụ thu ngân do đó có thể gây ảnh hưởng dẫn đến công tác hạch toán thu- chi không chính xác.
- Ở khâu bán hàng Công ty đã ít chú trọng việc khuyến mãi, nhằm thu hút khách hàng nhiều hơn và thanh toán tiền hàng một cách nhanh chóng. Điều này dẫn đến vốn của công ty bị chiếm dụng khá nhiều.
- Công ty kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau với lượng hàng tồn kho tương đối là lớn nhưng công ty lại không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **3.2.3. Giải pháp về tổ chức bộ máy kế toán**

Qua quá trình thực tập và nghiên cứu công tác kế toán tại Công ty TNHH Kvic Partners thì bản thân em đã hiểu hơn về các công việc của một kế toán bán hàng và đã rút ra được nhiều kinh nghiệm cho bản thân. Các kiến thức nền tảng thầy cô giảng dạy trên lớp là rất quan trọng để em có thể hoàn thành công việc một cách nhanh chóng và chính xác nhất.

#### **3.2.3.1. Giải pháp về công tác bộ máy kế toán**

Phân chia công việc cho mỗi kế toán đảm nhiệm từng nhiệm vụ giúp việc kiểm soát chứng từ, sổ sách một cách gọn gàng hợp lý, nhanh và thuận tiện hơn.

Cần phải điều chỉnh lại nhiệm vụ của các kế toán viên nhằm hoàn thiện bộ máy kế toán, nhằm tăng năng suất làm việc và mang lại hiệu quả cao hơn.

Có thể tham khảo và đổi qua việc sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng để việc thực hiện các bước trong kế toán mua bán hàng hóa được chuyên nghiệp và hoàn thiện nhanh chóng hơn.

Công ty cần cập nhật liên tục các luật, nghị định, chính sách, chuẩn mực, thông tư về các nội dung có liên quan. Mọi thông tin được cập nhật đều hướng dẫn và cung cấp tài liệu cho các thành viên trong bộ phận kế toán để mọi thành viên hiểu rõ, nắm bắt được công việc của mình và có hướng giải quyết đúng đắn với mọi tình huống.

#### **3.2.3.2. Giải pháp về công tác kế toán bán hàng**

Có sự điều chỉnh hợp lý hơn về việc tổng hợp số liệu để lên các báo cáo đúng thời hạn.

Mỗi một nhân viên kế toán của công ty cần thực hiện đúng chức năng của mình để sắp xếp trình tự luân chuyển chứng từ phù hợp và theo quy tắc để việc lưu trữ chứng từ và luân chuyển chứng từ để việc thực hiện các bước về kế toán bán hàng hóa được nhanh gọn và chuyên nghiệp hơn.

Công ty cần đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm như thường xuyên có nhiều đợt khuyến mãi, giảm giá, tặng kèm,... nhằm giúp người tiêu dùng biết đến những sản phẩm và tên của công ty nhiều hơn. Điều này cũng sẽ góp phần làm tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty.

Số lượng hàng hóa trong kho khá lớn nên việc trích lập trích lập giảm giá hàng tồn kho là tương đối hợp lý nhằm hạn chế rủi ro mà công ty không đo lường trước được.

Ngoài những giải pháp trên em còn đưa ra một số giải pháp sau:

Một là: Công ty chưa có quy trình ký gửi hàng cho các đại lý nhằm đưa sản phẩm tiếp cận khách hàng ở diện rộng hơn. Vì thế nên ký gửi sản phẩm đến các đối tác mua bán của công ty nhằm tiếp cận tới người tiêu dùng hơn cũng như tăng sự liên kết giữa các đối tác làm ăn trong kinh doanh.

Hai là: Hiện nay mạng xã hội đang rất phát triển vì thế nên tiếp cận để quảng bá sản phẩm thông qua nhờ các nhà sáng tạo nội dung có lượt theo dõi nhất định review sản phẩm, trải nghiệm khi dùng sản phẩm để người dùng hình dung rõ và yên tâm mua sản phẩm.

Ba là: Do càng ngày càng giao dịch nhiều, công ty cần theo dõi chi tiết cho từng tài khoản để phục vụ tốt hơn cho việc theo dõi công nợ, tránh sai sót. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bốn là: Sắp xếp trình tự luân chuyển chứng từ phù hợp và theo quy tắc để việc lưu trữ chứng từ và luân chuyển chứng từ để việc thực hiện các bước về kế toán bán hàng hóa được nhanh gọn và chuyên nghiệp hơn.

Trên đây là một số phương pháp mà sau qua trình em đi thực tập thực tế tại công ty mà em quan sát và tìm hiểu được. Mong quý công ty xem xét và đánh giá qua để áp dụng giúp công ty có thể càng ngày lớn mạnh hơn.

## KẾT LUẬN

Qua toàn bộ nội dung được trình bày ở trên, việc tổ chức công tác kế toán bán hàng hóa có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự thành công phát triển của mỗi doanh nghiệp. Đặc biệt là đối với một doanh nghiệp thương mại như Công ty TNHH Kvic Partners. Để duy trì và phát triển một doanh nghiệp mạnh, mang lại lợi nhuận cao, góp phần làm tăng ngân sách nhà nước, ngoài những yếu tố về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị,... Điều quan trọng nhất là hoạt động kinh doanh có hiệu quả thu lại lợi nhuận cao, trong đó công tác kế toán mua bán hàng hóa có vai trò cực kỳ to lớn.

Nhu cầu làm đẹp ngày càng một phát triển, các doanh nghiệp nằm trong lĩnh vực làm đẹp và mỹ phẩm ngày một tăng mạnh, dưới sức ép cạnh tranh của thị trường, của những doanh nghiệp lớn mạnh, nhưng Công ty TNHH Kvic Partners vẫn đã và đang tổ chức tốt công tác khâu bán ra, đảm bảo về chất lượng sản phẩm hàng hóa được tốt nhất để đáp ứng rộng rãi nhu cầu của người tiêu dùng. Đồng thời vẫn quản lý tốt về hoạt động kinh doanh, các hợp đồng bán cũng đảm bảo đúng thời hạn, uy tín. Chính vì điều đó đã làm cho hoạt động kinh doanh của công ty ngày một tiến xa hơn và nhất là đem lại lợi nhuận ngày càng nhiều.

Trên đây là toàn bộ nội dung đề tài Khóa luận tốt nghiệp của em sau quá trình thực tập tại Công ty TNHH Kvic Partners bằng những vốn kiến thức đã được học tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, đồng thời áp dụng những kỹ năng, kiến thức thực tế được tiếp thu sau khi thực tập tại công ty. Em mong rằng sẽ nhận được những đóng góp quý báu từ Quý Thầy cô, phía nhà trường cũng như phía đơn vị thực tập để em có thêm những kinh nghiệm nhằm áp dụng vào công việc thực tế sau khi hoàn thành tốt nghiệp ở trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

# PHỤ LỤC

## Phụ lục 1: Sổ Nhật ký chung tháng 10 năm 2023

Đơn vị: Công ty TNHH Kvic Partners  
Địa chỉ: 107/6 Nguyễn Thái Sơn-P4-Q.GV-TPHCM

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG Tháng 10 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Số Cái	Số TT đồng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<b>Số lũy kế kỳ trước chuyển sang</b>				<b>937.307.558.015</b>	<b>937.307.558.015</b>
...	...	...	...	...	...	...	...	...
02/10/2023	XK04012	02/10/2023	Giá vốn bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE theo hóa đơn số 00000610			632	92.794.674	
02/10/2023	XK04212	02/10/2023	Giá vốn bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE theo hóa đơn số 00000610			1561		92.794.674
02/10/2023	BH04012	02/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE theo hóa đơn số 00000610			131	133.424.000	
02/10/2023	BH04012	02/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE theo hóa đơn số 00000610			5111		121.294.545
02/10/2023	BH04012	02/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE theo hóa đơn số 00000610			33311		12.129.455
...	...	...	...	...	...	...	...	...
19/10/2023	XK04234	19/10/2023	Giá vốn hàng bán CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn 00000693	x		632	10.352.622	
19/10/2023	XK04234	19/10/2023	Giá vốn hàng bán CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn 00000693	x		1561		10.352.622
19/10/2023	BH04234	19/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn 00000693	x		131	12.451.009	
19/10/2023	BH04234	19/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn 00000693	x		5111		11.319.099
19/10/2023	BH04234	19/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn 00000693	x		33311		1.131.910
19/10/2023	PT04182	19/10/2023	Thu tiền khách hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn 00000693	x		1111	12.451.009	
19/10/2023	PT04182	19/10/2023	Thu tiền khách hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn 00000693	x		131		12.451.009
...	...	...	...	...	...	...	...	...
20/10/2023	XK04239	20/10/2023	Giá vốn hàng bán CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn 00000698	x		632	2.686.896	
20/10/2023	XK04239	20/10/2023	Giá vốn hàng bán CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn 00000698	x		1561		2.686.896
20/10/2023	BH04239	20/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn 00000698	x		131	4.984.100	
20/10/2023	BH04239	20/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn 00000698	x		5111		4.531.000
20/10/2023	BH04239	20/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn 00000698	x		33311		453.100
...	...	...	...	...	...	...	...	...
23/10/2023	XK04241	23/10/2023	Giá vốn hàng bán CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn 00000709	x		632	3.302.304.815	
23/10/2023	XK04241	23/10/2023	Giá vốn hàng bán CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn 00000709	x		1561		3.302.304.815
23/10/2023	BH04241	23/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn 00000709	x		131	3.851.320.000	
23/10/2023	BH04241	23/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn 00000709	x		5111		3.501.200.000
23/10/2023	BH04241	23/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn 00000709	x		33311		350.120.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>1.085.807.514.302</b>	<b>1.085.807.514.302</b>

Số này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...  
Ngày mở sổ:

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày... Tháng... Năm...  
Giám đốc  
(Ký tên, đóng dấu)

## Phụ lục 2- Phiếu xuất kho số XK04234

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 10 năm 2023

Số: XK04234

Nợ: 632

Có: 1561

- Họ và tên người nhận hàng: 12 Nguyễn Đình Chiểu, phường 1, Thành phố Tân An, Long An - CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC

- Địa chỉ (bộ phận): 71 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn số 00000693

- Xuất tại kho (ngăn ló): KHO HỒ CHÍ MINH

Địa điểm: 33 Ngô Quang Huy, Thảo Điền,  
Quận 2

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dưỡng môi (Mediheal Labocare Pantenolips Healbalm)	8809335481056	Cái	1,00		24.970,40	24.970
2	Son dưỡng môi MEDIHEAL LABOCARE PANTENOLIPS HEALSSENCE CORAL, hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	8809615056011	Cái	15,00		25.604,52	384.068
3	Nước hoa hồng (Dr.Pepti+ Centella Toner)	8809563063567	Cái	35,00		146.199,64	5.116.987
4	Inner gel 20 ống	8809290736758	Hộp	2,00		339.999,51	679.999
5	Mặt nạ dưỡng da DR.PEPTI Centella Moist Energy Mask, nhãn hiệu: DR.PEPTI, dạng hộp, 7 miếng/hộp	8809610271426	Cái	35,00		79.025,57	2.765.895
6	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SLEEPING MASK hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	8809615058381	Cái	3,00		25.764,72	77.294
7	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SCRUB hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	8809615058305	Cái	18,00		25.744,97	463.409
8	Inner gel 30 ống	8809290737489	Hộp	2,00		420.000,00	840.000
Cộng							10.352.622

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười triệu ba trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 19 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

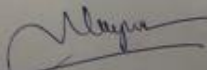
Người nhận hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

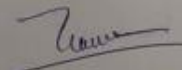
Kế toán trưởng  
(Hoặc bộ phận có nhu  
cầu nhập)

Giám đốc


(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Ký, họ tên)

  
Nguyễn Đình Chiểu

12 Nguyễn Đình  
Chiểu, phường 1,  
Thành phố Tân An,  
Long An

  
Trần Tuấn


### Phụ lục 3- Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000693



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
**(VAT INVOICE)**


Ngày (Date) 19 tháng (month) 10 năm (year) 2023  
Mã CQT (Code): 00E43B765A7A5B44C394E77466697C248E

Ký hiệu (Serial): **1C23TTP**  
Số (No.): **00000693**



Đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS**  
Mã số thuế (Tax code): 0314945997  
Địa chỉ (Address): 107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại (Tel): 0901479828  
Số tài khoản (Bank account): 100200172528 - Ngân Hàng Wooribank Thành Phố Hồ Chí Minh  
Người mua (Buyer): 12 Nguyễn Đình Chiểu, phường 1, Thành phố Tân An, Long An  
Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC**  
Mã số thuế (Tax code): 0313612829  
Địa chỉ (Address): 71 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh  
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản      Số tài khoản (Bank account):  
Điện thoại (Tel):


STT (No)	Mã hàng (Item code)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	
1	8809335481056	Dưỡng môi (Mediheal Labocare Pantenolips Healbalm)	Cái	1.00	44.390	44.390	
2	8809615036011	Son dưỡng môi MEDIHEAL LABOCARE PANTENOLIPS HEALSSENCE CORAL, hiệu MEDIHEAL, dạng tuyp 10ml	Cái	15.00	44.389	665.835	
3	8809563063567	Nước hoa hồng (Dr. Pepti+ Centella Toner)	Cái	35.00	211.636	7.407.260	
4	8809290736758	Inner gel 20 ống	Hộp	2.00	379.600	759.200	
5	8809610271426	Mặt nạ dưỡng da DR.PEPTI Centella Moist Energy Mask, nhãn hiệu: DR.PEPTI, dạng hộp, 7 miếng/ hộp	Cái	35.00	14.727	515.445	
6	8809615058381	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SLEEPING MASK hiệu MEDIHEAL, dạng tuyp 10ml	Cái	3.00	44.389	133.167	
7	8809615058305	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SCRUB hiệu MEDIHEAL, dạng tuyp 10ml	Cái	18.00	44.389	799.002	
8	8809290737489	Inner gel 30 ống	Hộp	2.00	497.400	994.800	
9		Xuất bản theo đơn đặt hàng PO10012310126734					
<b>Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):</b>						<b>11.310.000</b>	
<b>Thuế suất GTGT (VAT rate):</b>						<b>10% Tiền thuế GTGT (VAT amount):</b>	<b>1.131.910</b>
<b>Tổng tiền thanh toán (Total amount):</b>						<b>12.451.000</b>	



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
**(VAT INVOICE)**

Ngày (Date) 19 tháng (month) 10 năm (year) 2023  
Mã CQT (Code): 00E43B765A7A5B44C394E77466697C248E


Ký hiệu (Serial): **1C23TTP**  
Số (No.): **00000693**



Đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS**  
Mã số thuế (Tax code): 0314945997  
Địa chỉ (Address): 107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại (Tel): 0901479828  
Số tài khoản (Bank account): 100200172528 - Ngân Hàng Wooribank Thành Phố Hồ Chí Minh  
Người mua (Buyer): 12 Nguyễn Đình Chiểu, phường 1, Thành phố Tân An, Long An  
Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC**  
Mã số thuế (Tax code): 0313612829  
Địa chỉ (Address): 71 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh  
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản      Số tài khoản (Bank account):  
Điện thoại (Tel):


Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))  
(Signature, full name)



Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)  
(Signature, full name)



**Signature Valid**  
Ký bởi (Signed By): **CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS**  
Ký ngày (Signing Date): **19/10/2023**

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.mevinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): **3PT3CZW\_N\_X**  
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)  
Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

**Phụ lục 4- Phiếu thu số PT01482**

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS


Mẫu số: 01 - TT  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU THU**  
Ngày 19 tháng 10 năm 2023

Quyển số: .....  
Số: PT01482  
Ng: 1111  
Có: 131

Họ tên người nộp tiền: CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC  
Địa chỉ: 71 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Lý do nộp: Thu tiền khách hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn 00000693  
Số tiền: 12.451.009 VND  
Viết bằng chữ: Mười hai triệu bốn trăm năm mươi một nghìn không trăm linh chín đồng chẵn.  
Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2023

 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) <i>Nguyễn Thị Tú Anh</i>	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên) <i>Phan Hoàng Huyền My</i>	Người lập phiếu (Ký, họ tên) <i>Ng. Duyên</i>	Thủ quỹ (Ký, họ tên) <i>Hương Lê Thu An</i>
---	--------------------------------	--	---	---

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu bốn trăm năm mươi một nghìn không trăm linh chín đồng chẵn.

**Phụ lục 5- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 100196/2023**

196

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA**  
**SALES AND PURCHASE CONTRACT**  
Số/No. 100196/2023

Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa này ("**Hợp Đồng**") được lập vào ngày 01 tháng 04 năm 2023, giữa và bởi:  
*This Sales and Purchase Contract (the "Contract") is made on 01<sup>st</sup> April, 2023 by and between:*

**BÊN BÁN:** CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

**SELLER:** KVIC PARTNERS COMPANY LIMITED

Đại diện : Nguyễn Thị Tú Anh Chức vụ: Giám đốc  
*Representative : Nguyen Thi Tu Anh Position: Manager*  
Địa chỉ: 107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh,  
Việt Nam  
*Address: 107/6 Nguyen Thai Son, Ward 4, Go Vap District, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Điện thoại/Tel : 0901479828  
Tài khoản : 100200172528 – Woori Bank  
*Account No. : 100200172528 – Woori Bank*  
MST/Tax Code : 0314945997

Sau đây gọi tắt là "**Bên A**".  
*Hereinafter referred to as the "Party A".*

**BÊN MUA:** CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM

**BUYER:** MATSUMOTO KIYOSHI VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Đại diện : Ông Hiroki Miyaoka Chức vụ: Tổng Giám Đốc  
*Representative: Mr. Hiroki Miyaoka Position: Chief Executive Officer*  
Địa chỉ : 9-9A Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh,  
Việt Nam  
*Address : 9-9A No Trang Long, Ward 7, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Điện thoại/Tel : 028 7308 8896  
Tài khoản : 0531002591862 (Vietcombank – CN Đông Sài Gòn)  
*Account No. : 0531002591862 (Vietcombank – Eastern Sai Gon branch)*  
MST/Tax Code: 0315878101

Sau đây gọi tắt là "**Bên B**".  
*Hereinafter referred to as the "Party B".*

Bên A và Bên B trong Hợp Đồng này được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**".  
*The Party A and Party B hereinafter collectively referred to as the "Parties" and individually the "Party".*

Sau khi trao đổi, Các Bên thống nhất ký kết Hợp Đồng này với các điều khoản như sau:


# Phụ lục 6- Đơn đặt hàng từ Matsumoto Kiyoshi VietNam

Matsumoto Kiyoshi Vietnam

<ĐƠN ĐẶT HÀNG> 1 / 2

Store 2 - Vạn Hạnh Mall

Mã số: 16102300020016864



Mã kho/Tên kho: 00002 / Store 2 - Vạn Hạnh Mall  
 Địa chỉ:  
 Bộ phận (DPT): 34 / Chăm sóc đa cơ bản  
 Tỷ lệ thuế: 10 %

Ngày đặt hàng: 16/10/2023 Ngày dự định giao hàng: 18/10/2023 Ngày in đơn: 16/10/2023 <In lại>  
 Nhân viên tạo đơn hàng: 0100032 /Tham.NTH

Tên nhà cung cấp: 100196 / CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS  
 Địa chỉ nhà cung cấp: 107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4 Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 090479828 / Fax: E-Mail: kiyosho@gmail.com; kiyosho@kvc.com

STT	Tên hàng hóa	Barcode/ Quy cách	DVT/ Per	Số lượng	Giá tiền Master VND (trước VAT)	Giá KM VND (Tỷ lệ CKKM % (Trước VAT))
1	MEDHEAL MN CAP AM CAP NUOC 24ML	8809615057001	Cái 1	100.0	15.000,00	15.000,00 0,00
2	MEDHEAL MN DUONG TRANG DA 24ML	8809615056981	Cái 1	100.0	15.000,00	15.000,00 0,00
3	MEDHEAL MN NHAU THAI CUU PHUC HOI D A 24ML	8809615057049	Cái 1	100.0	15.000,00	15.000,00 0,00
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						

Giá tiền chưa bao gồm các loại chiết khấu theo hợp đồng (Trừ trường hợp chiết khấu đã được nêu vào giá)


Tổng số lượng	:	300.0
Tổng tiền hàng	:	4.500.000,00
Thuế GTGT	:	450.000,00
Tổng cộng tiền thanh toán	:	4.950.000,00

Matsumoto Kiyoshi Vietnam

<ĐƠN ĐẶT HÀNG> 2 / 2

Store 2 - Vạn Hạnh Mall

Mã số: 16102300020016869



Mã kho/Tên kho: 00002 / Store 2 - Vạn Hạnh Mall  
 Địa chỉ:  
 Bộ phận (DPT): 32 / Sản phẩm vệ sinh  
 Tỷ lệ thuế: 10 %

Ngày đặt hàng: 16/10/2023 Ngày dự định giao hàng: 18/10/2023 Ngày in đơn: 16/10/2023 <In lại>  
 Nhân viên tạo đơn hàng: 0100032 /Tham.NTH

Tên nhà cung cấp: 100196 / CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS  
 Địa chỉ nhà cung cấp: 107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4 Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 090479828 / Fax: E-Mail: kiyosho@gmail.com; kiyosho@kvc.com

STT	Tên hàng hóa	Barcode/ Quy cách	DVT/ Per	Số lượng	Giá tiền Master VND (trước VAT)	Giá KM VND (Tỷ lệ CKKM % (Trước VAT))
1	MEDHEAL SON DUONG MOI BAN NGAY MAU CAM HML	8809615056011	Cái 1	14.0	49.000,00	49.000,00 0,00
2	MEDHEAL TAY TE BAO CHET MOI 10ML	8809615058305	Cái 1	5.0	49.000,00	49.000,00 0,00
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						

Giá tiền chưa bao gồm các loại chiết khấu theo hợp đồng (Trừ trường hợp chiết khấu đã được nêu vào giá)

Tổng số lượng	:	19.0
Tổng tiền hàng	:	931.000,00
Thuế GTGT	:	93.100,00
Tổng cộng tiền thanh toán	:	1.024.100,00

# Phụ lục 7- Phiếu xuất kho số XK04239

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

Mẫu số: 02 - VT  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

## PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 10 năm 2023

Số: XK04239

Nợ: 632

Có: 1561

- Họ và tên người nhận hàng: MATSUMOTO KIYOSHI VẠN HẠNH MALL - CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM
- Địa chỉ (bộ phận): 9-9A Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698
- Xuất tại kho (ngân ló): KHO HỒ CHÍ MINH

Địa điểm: 33 Ngô Quang Huy, Thảo Điền, Quận 2

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SCRUB hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	8809615058305	Cái	5,00		25.744,97	128.725
2	Son dưỡng môi MEDIHEAL LABOCARE PANTENOLIPS HEALSSENCE CORAL, hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	8809615056011	Cái	14,00		25.604,52	358.463
3	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL PLACENTA ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	8809615057049	Cái	40,00		9.232,08	369.283
4	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL VITA ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	8809615056981	Cái	100,00		8.975,74	897.574
5	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL WATERMIDE ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	8809615057001	Cái	100,00		9.328,51	932.851
Cộng							2.686.896

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng chẵn.
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 20 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

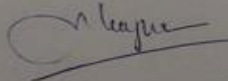
Người nhận hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

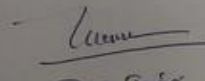
Kế toán trưởng  
(Hoặc bộ phận có nhu  
cầu nhập)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Ký, họ tên)

  
Ng. Duyên

MATSUMOTO  
KIYOSHI VẠN  
HẠNH MALL

  
Trần Tuấn

## Phụ lục 8- Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000698

KVIC PARTNERS		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Ký hiệu (Serial): 1C231TP		
		Số (No.): 00000698				
Ngày (Date) 20 tháng (month) 10 năm (year) 2023						
Mã CQT (Code): 0072F8870C89F4533B4DA95BC1D21A63						
Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS						
Mã số thuế (Tax code): 0314945997						
Địa chỉ (Address): 107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam						
Điện thoại (Tel): 0901479828						
Số tài khoản (Bank account): 100200172528 - Ngân Hàng Wooribank Thành Phố Hồ Chí Minh						
Người mua (Buyer): MATSUMOTO KIYOSHI VAN HANH MALL						
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM						
Mã số thuế (Tax code): 0315878101						
Địa chỉ (Address): 9-9A No Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam						
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản						
Số tài khoản (Bank account):						
Điện thoại (Tel):						
STT (No)	Mã hàng (Item code)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	8809615058305	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SCRUB hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	Cùi	5,00	49.000	245.000
2	8809615056011	Son dưỡng môi MEDIHEAL LABOCARE PANTENOLIPS HEALSSENCE CORAL, hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	Cùi	14,00	49.000	686.000
3	8809615057049	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL PLACENTA ESSENTIAL MASK, nhân hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	Cùi	40,00	15.000	600.000
4	8809615056981	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL VITA ESSENTIAL MASK, nhân hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	Cùi	100,00	15.000	1.500.000
5	8809615057001	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL WATERMIDE ESSENTIAL MASK, nhân hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	Cùi	100,00	15.000	1.500.000
6		Xuất bản theo đơn đặt hàng PO18092300020016247				
Tổng tiền hàng (Total amount excl. VAT): 4.531.000						
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế GTGT (VAT amount): 453.100						
Tổng tiền thanh toán (Total amount): 4.984.100						
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bốn triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn một trăm đồng chẵn.						

KVIC PARTNERS		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Ký hiệu (Serial): 1C231TP	
		Số (No.): 00000698			
Ngày (Date) 20 tháng (month) 10 năm (year) 2023					
Mã CQT (Code): 0072F8870C89F4533B4DA95BC1D21A63					
Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS					
Mã số thuế (Tax code): 0314945997					
Địa chỉ (Address): 107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					
Điện thoại (Tel): 0901479828					
Số tài khoản (Bank account): 100200172528 - Ngân Hàng Wooribank Thành Phố Hồ Chí Minh					
Người mua (Buyer): MATSUMOTO KIYOSHI VAN HANH MALL					
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM					
Mã số thuế (Tax code): 0315878101					
Địa chỉ (Address): 9-9A No Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản					
Số tài khoản (Bank account):					
Điện thoại (Tel):					
Người mua hàng (Buyer) (Chữ ký số (nếu có)) (Signature, full name)			Người bán hàng (Seller) (Chữ ký điện tử, chữ ký số) (Signature, full name)		
			Signature Valid Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS Ký ngày (Signing Date): 20/10/2023		

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.melinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): 51TWCKA2REE  
(Cần kiểm tra, để tránh khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)  
Phát hành bởi phần mềm MISA melinvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

## Phụ lục 9- Gửi mail cho khách hàng

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000698 ngày 20/10/2023

mkvn\_accdept@matsukiyo.vn

Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000698 ngày 20/10/2023

Kính gửi Quý Công Ty/Khách hàng,

Chúng tôi xin gửi Quý khách hàng hóa đơn giá trị gia tăng số 00000698 lập ngày 20/10/2023 11:41:14 mã số thuế bên bán 0314945997

Hóa đơn giá trị gia tăng của Quý khách được gửi qua mail theo file kèm theo.

Xin trân trọng cảm ơn Quý khách đã sử dụng sản phẩm/dịch vụ của chúng tôi!



**KVIC**  
PARTNERS

**CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS**

**Địa chỉ:** 107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MST:** 0314945997

**Contact Accountant:** 0901479828

HD GTGT số 00000698.pdf (874K)

## Phụ lục 10- Hợp đồng mua bán số 070823/HDMB/KVIC-BEPOS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- oOo -----

### HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số:070823/HDMB/KVIC-BEPOS

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 07/10/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 07/10/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu thực tế và sự thỏa thuận của hai bên.
- Hôm nay ngày 07/08/2023 Tại: Công ty TNHH Kvic Partners
- Chúng tôi gồm:

#### **BÊN A: CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS**

Địa chỉ: 107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: 0792152354

Mã số thuế: 0314945997

Tài khoản số:100200172528

Tại Ngân hàng: Ngân Hàng Wooribank Thành Phố Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông (Bà): Nguyễn Thị Tú Anh

Chức vụ: Giám Đốc

#### **BÊN B: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM**

Địa chỉ: N010-LK26-Khu đất dịch vụ 20A-20B Khu đô thị Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà

Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Mã số thuế: 0108740384

Tài khoản số: 0691000426754

Tại Ngân hàng: VCB chi nhánh Tây Hà Nội

Người đại diện ông (bà): Nguyễn Thị Hương

Chức vụ: Giám đốc.



**Phụ lục 11- Phiếu xuất kho số XK04241**

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

Mẫu số: 02 - VT  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 23 tháng 10 năm 2023  
Số: XK04241  
Ng: 632  
Cố: 1561

- Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM  
- Địa chỉ (bộ phận): Tầng 1, NO07-LK28 - Khu đất dịch vụ LK20a, LK 20b, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam  
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000709  
- Xuất tại kho (ngăn lô): KHO HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm: 33 Ngõ Quang Huy, Thảo Điền, Quận 2

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tinh chất dưỡng da DR.PEPTI Centella Dark Spot Solution Ampoule, Nhãn hiệu Dr.Pepti, dạng chai 30ml	8809610271440	Cái	1.000,00		167.404,28	167.404.280
2	Nước hoa hồng (Dr.Pepti Centella Toner Ex). Nhãn hiệu Dr.Pepti, dạng chai-180ml	8809610272249	Cái	19.500,00		160.764,13	3.134.900.535
Cộng							3.302.304.815

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): *Ba tỷ ba trăm linh hai triệu ba trăm linh bốn nghìn tám trăm mười lăm đồng chẵn.*  
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 23 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu (Ký, họ tên)      Người nhận hàng (Ký, họ tên)      Thủ kho (Ký, họ tên)      Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (Ký, họ tên)      Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)

*Ng. Duyên.*      *Trần Tuấn.*

## Phụ lục 12- Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000709



### HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TKK

Số (No.): 00000709

Ngày (Date) 23 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Mã QGT (Code): 00C9A02E88BE3B42919FDF170835FF26D2

Đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS**

Mã số thuế (Tax code): 0314945997

Địa chỉ (Address): 107/6 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0901479828

Số tài khoản (Bank account): 100200172528 - Ngân Hàng Wooribank Thành Phố Hồ Chí Minh



Người mua (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM**

Mã số thuế (Tax code): 0108740384

Địa chỉ (Address): Tầng 1, NO07-LK28 - Khu đất dịch vụ LK20a, LK 20b, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Tinh chất dưỡng da DR.PEPTI Centella Dark Spot Solution Ampoule, Nhân hiệu Dr.Pepti, dạng chai 30ml	Cái	1.000,00	174.500,00	174.500.000
2	Nước hoa hồng (Dr.Pepti Centella Toner Ex). Nhân hiệu Dr.Pepti, dạng chai-180ml	Cái	19.500,00	170.600,00	3.326.700.000
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					<b>3.501.200.000</b>
Thuế suất GTGT (VAT rate):		<b>10%</b>	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		<b>350.120.000</b>
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					<b>3.851.320.000</b>
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): <b>Ba tỷ tám trăm năm mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.</b>					

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): **CÔNG TY TNHH**



**KVIC PARTNERS**

Ký ngày (Signing Date): **23/10/2023**

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): **L6TECQDDAXN**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

## Phụ lục 13: Sổ cái tài khoản 131 theo hình thức Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 10 năm 2023

Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				3.946.573.205	
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
02/10/2023	BH04012	02/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE theo hóa đơn số 00000610			33311	12.129.455	
02/10/2023	BH04012	02/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE theo hóa đơn số 00000610			5111	121.294.545	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
19/10/2023	BH04234	19/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn số 00000693			33311	1.131.910	
19/10/2023	BH04234	19/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn số 00000693			5111	11.319.099	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
20/10/2023	BH04239	20/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698			5111	4.531.000	
20/10/2023	BH04239	20/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698			33311	453.100	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
23/10/2023	BH04241	23/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000709			33311	350.120.000	
23/10/2023	BH04241	23/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000709			5111	3.501.200.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh				18.624.091.705	26.610.911.244
			- Số dư cuối kỳ					4.040.246.334
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				185.656.711.958	193.910.667.005

- Sổ này có 55 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 55

- Ngày mở sổ: .....

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 10 năm 2023  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 14: Sổ cái tài khoản 632 theo hình thức Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 10 năm 2023

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				119.806.739.415	
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
02/10/2023	XK04012	02/10/2023	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE theo hóa đơn số 00000610			1561	92.794.674	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
19/10/2023	XK04234	19/10/2023	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn số 00000693			1561	10.352.622	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
20/10/2023	XK04239	20/10/2023	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698			1561	2.686.896	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
23/10/2023	XK04241	23/10/2023	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000709			1561	3.302.304.815	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>				<b>10.258.010.583</b>	
			- Cộng số phát sinh				<b>10.258.010.583</b>	
			- Số dư cuối kỳ				<b>130.064.749.998</b>	
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				<b>130.206.560.618</b>	<b>141.810.620</b>

- Sổ này có 17 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 17

- Ngày mở sổ: .....

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 10 năm 2023  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 15: Sổ cái tài khoản 33311 theo hình thức Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 10 năm 2023

Tài khoản: 33311 - Thuế GTGT đầu ra

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...			...		...
02/10/2023	BH04012	02/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE theo hóa đơn số 00000610			131		12.129.455
...	...	...	...			...		...
19/10/2023	BH04234	19/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn số 00000693			131		1.131.910
...	...	...	...			...		...
20/10/2023	BH04239	20/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698			131		453.100
...	...	...	...			...		...
23/10/2023	BH04241	23/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000709			131		350.120.000
...	...	...	...			...		...
			- Cộng số phát sinh				1.679.498.809	1.679.498.809
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				16.785.229.004	16.785.229.004

- Sổ này có 17 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 17

- Ngày mở sổ: .....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 10 năm 2023

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 16: Sổ cái tài khoản 5111 theo hình thức Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày  
26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 10 năm 2023

Tài khoản: 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					142.885.433.588
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...			...		...
02/10/2023	BH04012	02/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE theo hóa đơn số 00000610			131		121.294.545
...	...	...	...			...		...
19/10/2023	BH04234	19/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn số 00000693			131		11.319.099
...	...	...	...			...		...
20/10/2023	BH04239	20/10/2023	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698			131		4.531.000
...	...	...	...			...		...
23/10/2023	BH04241	23/10/2023	Bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000709			131		3.501.200.000
...	...	...	...			...		...
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>					<b>12.263.416.273</b>
			- Cộng số phát sinh					<b>12.263.416.273</b>
			- Số dư cuối kỳ					<b>155.148.849.861</b>
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				<b>209.940.000</b>	<b>155.358.789.861</b>

- Sổ này có 17 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 17

- Ngày mở sổ: .....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 10 năm 2023

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 17: Sổ cái tài khoản 1561 theo hình thức Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 10 năm 2023

Tài khoản: 1561 - 1561

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				41.949.647.062	
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...			...		...
02/10/2023	XK04012	02/10/2023	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH SHOPEE			632		92.794.674
...	...	...	...			...		...
19/10/2023	XK04234	19/10/2023	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn số 00000693			632		10.352.622
...	...	...	...			...		...
20/10/2023	XK04239	20/10/2023	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698			632		2.686.896
...	...	...	...			...		...
23/10/2023	XK04241	23/10/2023	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BEPOS VIỆT NAM			632		3.302.304.815
...	...	...	...			....		...
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>				<b>14.162.670.606</b>	<b>10.258.010.583</b>
			- Cộng số phát sinh				<b>14.162.670.606</b>	<b>10.258.010.583</b>
			- Số dư cuối kỳ				<b>45.854.307.085</b>	
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				<b>139.788.721.975</b>	<b>130.209.504.709</b>

- Sổ này có 19 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 19

- Ngày mở sổ: .....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 10 năm 2023

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 18: Sổ chi tiết tài khoản 1111 – Hasaki Beauty & Clinic

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1111, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 19/10/2023 đến ngày 21/10/2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 1111								
19/10/2023	19/10/2023	PT01482	Thu tiền khách hàng CÔNG TY CỔ PHẦN HASAKI BEAUTY & CLINIC theo hóa đơn 00000693	131	12.451.009		11.971.405.580	
Tổng cộng						12.451.009		

Ngày 21 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 19: Sổ chi tiết tài khoản 5111 - Hasaki Beauty & Clinic

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5111, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 19/10/2023 đến ngày 21/10/2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 5111								
19/10/2023	19/10/2023	BH04234	Dưỡng môi (Mediheal Labocare Pantenolips Healbalm)	131		44.390		149.002.328.846
19/10/2023	19/10/2023	BH04234	Son dưỡng môi MEDIHEAL LABOCARE PANTENOLIPS HEALSENCE CORAL, hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	131		665.835		149.002.994.681
19/10/2023	19/10/2023	BH04234	Nước hoa hồng (Dr.Pepti+ Centella Toner)	131		7.407.260		149.010.401.941
19/10/2023	19/10/2023	BH04234	Inner gel 20 ống	131		759.200		149.011.161.141
19/10/2023	19/10/2023	BH04234	Mặt nạ dưỡng da DR.PEPTI Centella Moist Energy Mask, nhãn hiệu: DR.PEPTI, dạng hộp, 7 miếng/ hộp	131		515.445		149.011.676.586
19/10/2023	19/10/2023	BH04234	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SLEEPING MASK hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	131		133.167		149.011.809.753
19/10/2023	19/10/2023	BH04234	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SCRUB hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	131		799.002		149.012.608.755
19/10/2023	19/10/2023	BH04234	Inner gel 30 ống	131		994.800		149.013.603.555
Tổng cộng						11.319.099		

Ngày 21 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 20: Sổ chi tiết tài Khoản 131- Matsumoto Kiyoshi

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 131, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Ngày 20 tháng 10 năm 2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 131								
20/10/2023	20/10/2023	BH04239	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698	5111	4.531.000			5.601.715.827
20/10/2023	20/10/2023	BH04239	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698	33311	453.100			5.601.262.727
Tổng cộng						4.984.100		

Ngày 20 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 21: Sổ chi tiết tài khoản 156- Matsumoto Kiyoshi

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 156, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Ngày 20 tháng 10 năm 2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 156								
20/10/2023	20/10/2023	XK04239	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MATSUMOTO KIYOSHI VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000698	632		2.686.896	49.162.022.095	
Tổng cộng							2.686.896	

Ngày 20 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 22: Sổ chi tiết 511- Matsumoto Kiyoshi

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Tháng 10 năm 2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 511								
20/10/2023	20/10/2023	BH04239	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SCRUB hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	131		245.000		157.405.111.332
20/10/2023	20/10/2023	BH04239	Son dưỡng môi MEDIHEAL LABOCARE PANTENOLIPS HEALSSENCE CORAL, hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	131		686.000		157.405.797.332
20/10/2023	20/10/2023	BH04239	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL PLACENTA ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24 ml	131		600.000		157.406.397.332
20/10/2023	20/10/2023	BH04239	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL VITA ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	131		1.500.000		157.407.897.332
20/10/2023	20/10/2023	BH04239	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL WATERMIDE ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24 ml	131		1.500.000		157.409.397.332
<b>Tổng cộng</b>						<b>4.531.000</b>		

Ngày 31 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 23: Sổ chi tiết tài khoản 632- Matsumoto Kiyoshi

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Ngày 20 tháng 10 năm 2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 632								
			<b>Số dư đầu kỳ</b>				<b>124.757.881.054</b>	
20/10/2023	20/10/2023	XK04239	Son dưỡng môi MEDIHEAL PANTENOLIPS SCRUB hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	1561	128.725		124.758.009.779	
20/10/2023	20/10/2023	XK04239	Son dưỡng môi MEDIHEAL LABOCARE PANTENOLIPS HEALSSENCE CORAL, hiệu MEDIHEAL, dạng tuýp 10ml	1561	358.463		124.758.368.242	
20/10/2023	20/10/2023	XK04239	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL PLACENTA ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24 ml	1561	369.283		124.758.737.525	
20/10/2023	20/10/2023	XK04239	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL VITA ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24ml	1561	897.574		124.759.635.099	
20/10/2023	20/10/2023	XK04239	Mặt nạ dưỡng da MEDIHEAL WATERMIDE ESSENTIAL MASK, nhãn hiệu MEDIHEAL dạng miếng 24 ml	1561	932.851		124.760.567.950	
<b>Cộng</b>						<b>2.686.896</b>		<b>124.760.567.950</b>
<b>Tổng cộng</b>						<b>2.686.896</b>		

Ngày 20 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 24: Sổ chi tiết tài khoản 5111,632 – Bepos

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 22/10/2023 đến ngày 23/10/2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	
<b>Tài khoản: 5111</b>									
23/10/2023	23/10/2023	BH04241	Tinh chất dưỡng da DR.PEPTI Centella Dark Spot Solution Ampoule, Nhân hiệu Dr.Pepti, dạng chai 30ml	131		174.500.000		149.208.460.862	
23/10/2023	23/10/2023	BH04241	Nước hoa hồng (Dr.Pepti Centella Toner Ex). Nhân hiệu Dr.Pepti, dạng chai-180ml	131		3.326.700.000		152.535.160.862	
<b>Tài khoản: 632</b>									
23/10/2023	23/10/2023	XK04241	Tinh chất dưỡng da DR.PEPTI Centella Dark Spot Solution Ampoule, Nhân hiệu Dr.Pepti, dạng chai 30ml	1561	167.404.280		124.927.972.230		
23/10/2023	23/10/2023	XK04241	Nước hoa hồng (Dr.Pepti Centella Toner Ex). Nhân hiệu Dr.Pepti, dạng chai-180ml	1561	3.134.900.535		128.062.872.765		
<b>Tổng cộng</b>						<b>3.302.304.815</b>	<b>3.501.200.000</b>		

Ngày 23 tháng 10 năm 2023

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Phụ lục 25- Bảng cân đối kế toán tháng 10

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

Mã số thuế: 0314945997

### BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Tháng 10 năm 2023

Số tài khoản	Tên tài khoản	Đầu kỳ		Phát sinh				Cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ lũy kế	Có lũy kế	Nợ	Có
<b>111</b>	<b>Tiền mặt</b>	<b>10.914.298.927</b>		<b>5.510.087.167</b>	<b>3.866.169.386</b>	<b>128.466.187.894</b>	<b>116.302.703.192</b>	<b>12.558.216.708</b>	
1111	Tiền Việt Nam	10.914.298.927		5.510.087.167	3.866.169.386	128.466.187.894	116.302.703.192	12.558.216.708	
<b>112</b>	<b>Tiền gửi Ngân hàng</b>	<b>36.034.173</b>		<b>67.577.800.342</b>	<b>67.254.679.927</b>	<b>262.597.008.025</b>	<b>262.788.030.204</b>	<b>359.154.588</b>	
1121	Tiền gửi Ngân hàng	36.032.700		52.716.026.223	52.392.904.581	233.928.698.496	234.119.720.921	359.154.342	
1122	Ngoại tệ	1.473		14.861.774.119	14.861.775.346	28.668.309.529	28.668.309.283	246	
131	Phải thu của khách hàng	13.708.162.200	9.761.588.995	18.624.091.705	26.610.911.244	185.656.711.958	193.910.667.005	14.364.179.936	18.404.426.270
<b>133</b>	<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>1.944.928.545</b>		<b>1.753.322.770</b>	<b>1.679.498.809</b>	<b>15.679.403.418</b>	<b>16.768.240.049</b>	<b>2.018.752.506</b>	
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1.944.928.545		1.753.322.770	1.679.498.809	15.679.403.418	16.768.240.049	2.018.752.506	
<b>138</b>	<b>Phải thu khác</b>						<b>66.000.000</b>		
1388	Phải thu khác						66.000.000		
141	Tạm ứng					40.000.000	40.000.000		
<b>156</b>	<b>Hàng hóa</b>	<b>41.949.647.062</b>		<b>14.162.670.606</b>	<b>10.258.010.583</b>	<b>139.788.721.975</b>	<b>130.209.504.709</b>	<b>45.854.307.085</b>	
1561	1561	41.949.647.062		14.162.670.606	10.258.010.583	139.788.721.975	130.209.504.709	45.854.307.085	
<b>211</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>45.000.000</b>						<b>45.000.000</b>	
<b>2111</b>	<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>45.000.000</b>						<b>45.000.000</b>	
21112	Máy móc thiết bị	45.000.000						45.000.000	
<b>214</b>	<b>Hao mòn TSCĐ</b>		<b>45.000.000</b>				<b>26.250.000</b>		<b>45.000.000</b>
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình		45.000.000				26.250.000		45.000.000
331	Phải trả cho người bán	14.024.354.466	29.978.020.930	20.015.072.878	18.064.086.605	84.385.411.434	157.236.928.098	22.003.832.902	36.006.513.093
<b>333</b>	<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		<b>830.186.125</b>	<b>2.618.251.709</b>	<b>3.350.900.925</b>	<b>33.065.601.884</b>	<b>34.628.437.225</b>		<b>1.562.835.341</b>
<b>3331</b>	<b>Thuế giá trị gia tăng phải nộp</b>		<b>690.894.475</b>	<b>2.449.801.681</b>	<b>3.036.811.416</b>	<b>29.253.074.660</b>	<b>30.530.978.870</b>		<b>1.277.904.210</b>
33311	Thuế GTGT đầu ra			1.679.498.809	1.679.498.809	16.785.229.004	16.785.229.004		
33312	Thuế GTGT hàng nhập khẩu		690.894.475	770.302.872	1.357.312.607	12.467.845.656	13.745.749.866		1.277.904.210
3333	Thuế xuất, nhập khẩu		139.291.650	168.450.028	314.089.509	3.424.098.060	3.709.029.191		284.931.131
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp					295.172.675	295.172.675		
<b>3338</b>	<b>Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác</b>					<b>7.000.000</b>	<b>7.000.000</b>		
33382	Các loại thuế khác					7.000.000	7.000.000		
3339	Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác					86.256.489	86.256.489		
334	Phải trả người lao động		397.438.858	414.853.192	489.521.000	3.150.211.155	3.463.368.185		472.106.666
<b>338</b>	<b>Phải trả, phải nộp khác</b>	<b>88.078.845</b>	<b>36.943.060.906</b>	<b>2.798.072.256</b>	<b>53.072.256</b>	<b>77.308.546.430</b>	<b>1.881.063.862</b>	<b>45.786.891</b>	<b>34.155.768.952</b>
3383	Bảo hiểm xã hội	88.078.845		42.291.954	265.464.646	301.610.430	45.786.891		
3384	Bảo hiểm y tế		77.727.934	53.072.256	7.463.286	113.734.784	53.450.712		32.118.964
3385	Bảo hiểm thất nghiệp		39.332.972		3.317.016	8.000.000	23.655.720		42.649.988
3388	Phải trả, phải nộp khác		36.826.000.000	2.745.000.000		76.921.347.000	1.502.347.000		34.081.000.000
<b>411</b>	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		<b>5.000.000.000</b>						<b>5.000.000.000</b>
4111	Vốn góp của chủ sở hữu		5.000.000.000						5.000.000.000
<b>421</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>11.595.460.514</b>				<b>381.429.164</b>		<b>11.595.460.514</b>	
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	4.587.151.314						4.587.151.314	
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	7.008.309.200				381.429.164		7.008.309.200	
<b>511</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>151.260.870.058</b>		<b>16.873.092.896</b>	<b>209.940.000</b>	<b>168.343.902.954</b>		<b>168.133.962.954</b>
5111	Doanh thu bán hàng hóa		142.885.433.588		12.263.416.273	209.940.000	155.358.789.861		155.148.849.861
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ		8.375.436.470		4.609.676.623		12.985.113.093		12.985.113.093
515	Doanh thu hoạt động tài chính		595.543		12.656		608.199		608.199
632	Giá vốn hàng bán	119.806.739.415		10.258.010.583		130.206.560.618	141.810.620	130.064.749.998	
635	Chi phí tài chính	121.704.180		224.811.736		346.515.916		346.515.916	
<b>642</b>	<b>Chi phí quản lý kinh doanh</b>	<b>19.914.351.952</b>		<b>4.542.911.343</b>		<b>24.457.263.295</b>		<b>24.457.263.295</b>	
6421	Chi phí bán hàng	4.722.931.669		3.289.069.845		8.012.001.514		8.012.001.514	
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.191.420.283		1.253.841.498		16.445.261.781		16.445.261.781	
811	Chi phí khác	68.001.136				68.001.136		68.001.136	
<b>Tổng cộng</b>		<b>234.216.761.415</b>	<b>234.216.761.415</b>	<b>148.499.956.287</b>	<b>148.499.956.287</b>	<b>1.085.807.514.302</b>	<b>1.085.807.514.302</b>	<b>263.781.221.475</b>	<b>263.781.221.475</b>

## Phụ lục 26- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	184.165.309.299	45.565.785.043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	209.940.000	12.591.444
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		183.955.369.299	45.553.193.599
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	144.729.431.487	44.851.470.001
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.225.937.812	701.723.598
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	670.021	46.076.090
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	569.262.988	37.363.240
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.6	34.836.684.925	11.096.839.174
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		3.820.659.920	(10.386.402.726)
11. Chi phí khác	32	VI.8	68.001.136	2.744.938.824
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(68.001.136)	(2.257.338.371)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.752.658.784	(12.643.741.097)
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.9	98.170.389	
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		3.654.488.395	(12.643.741.097)

# Phụ lục 27- Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH KVIC PARTNERS

Mã số thuế: 0314945997

Mẫu số: B01b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

## Báo cáo tình hình tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>67.439.608.745</b>	<b>108.884.608.248</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>537.515.936</b>	<b>944.908.773</b>
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.679.233.394</b>	<b>68.557.020.519</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		11.135.816.247	8.257.264.767
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.543.166.787	60.151.823.077
3. Phải thu ngắn hạn khác	133		250.360	147.932.675
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	134			
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	135			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>49.843.139.291</b>	<b>36.275.089.819</b>
1. Hàng tồn kho	141		49.843.139.291	36.275.089.819
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.379.720.124</b>	<b>3.107.589.137</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	151		3.181.180.124	3.107.589.137
2. Tài sản ngắn hạn khác	152		198.540.000	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>121.650.000</b>	<b>26.250.000</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu dài hạn khác	214			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	215			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.05</b>	<b>121.650.000</b>	<b>26.250.000</b>
- Nguyên giá	221		166.650.000	45.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		(45.000.000)	(18.750.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.06</b>		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>		
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	251			
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (*)	252			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	253			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (300 = 100 + 200)</b>	<b>300</b>		<b>67.561.258.745</b>	<b>108.910.858.248</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>70.502.230.864</b>	<b>115.124.889.598</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>410</b>		<b>70.502.230.864</b>	<b>115.124.889.598</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	411		42.779.017.832	1.302.986.604
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	412		1.203.132.467	4.043.556.054
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	413	V.10	99.154.063	
4. Phải trả người lao động	414		412.994.080	158.949.636
5. Phải trả ngắn hạn khác	415		26.007.932.422	109.619.397.304
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	416	V.11		
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	417			
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	418			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>420</b>			
1. Phải trả người bán dài hạn	421			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	422			
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	423			
4. Phải trả dài hạn khác	424			
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	425	V.11		
6. Dự phòng phải trả dài hạn	426			
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	427			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (500 = 511 + 512 + 513 + 514 + 515 + 516 + 517)</b>	<b>500</b>	<b>V.13</b>	<b>(2.940.972.119)</b>	<b>(6.214.031.350)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	511		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	512			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	513			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	514			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	515			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	516			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	517		(7.940.972.119)	(11.214.031.350)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600 = 400 + 500)</b>	<b>600</b>		<b>67.561.258.745</b>	<b>108.910.858.248</b>

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chuẩn mực kế toán: Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2002
2. Các Quyết định, Thông tư của Bộ Tài chính:  
Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 về Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.  
Thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp
3. Luật kế toán: Luật số 88/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015
4. Nghị định: Nghị định số 119/2018/NĐ-CP do chính phủ ban hành ngày 12 tháng 9 năm 2018
5. Sách Kế toán Tài chính 2 – Nhà xuất bản Kinh tế Hồ Chí Minh năm 2020.